sân be, lúc tại miễu Bình Trước (ấp Lân Thành). Một lần chị và anh Sáu Thân bị bót Tân Ba bắt. Tư Đời sếp bót, tra tấn hai người rất dã man. Tên này thâm thù cách mạng, mỗi ngày tự tay đánh tù đến đổ máu mới thỏa thú tính. Chị Hai Lục một lần bị đánh tưởng chết, ngã xuống hố phân, anh Sáu Thân vác lên. Sau nhờ người vơ viên thông ngôn xin cho, chi đi ở cho bà ta. Một lần đi chợ mua thức ăn cho chủ, chị bỏ trốn, thoát bót Tân Ba.

Chồng chị Hai Lục là anh Sáu Tình làm tài xế, chơi với số lính Miên bót máy cưa. Nắm được tình hình giặc sắp càn bố hoặc chúng bắt được ai, khai thác được gì, anh Sáu báo về cơ sở giao liên để báo lên trên. Anh Sáu Tình mua giúp và chở một số thuốc men lên nhà chị Út Xè ở Bình Mĩ vài chuyến. Sau phải ngưng vì lính khám xét dữ, tình hình rất găng.

Nửa cuối năm 1951 bộ máy kháng chiến của thị xã Biên Hòa được củng cố đi vào ổn định sau khi bí thư Bảy Mén bị tên Tường, phó ban tình báo thị xã là nội gián của Pháp, hạ sát ngày 8-2-1951. Ban cán sự thị xã được thay bằng đội vũ trang tuyên truyền (VTTT) thị xã Biên Hòa do các đồng chí Năm Bối (Trịnh Trọng Tráng), Mai Sơn Việt và Bùi Trọng Nghĩa lãnh đạo. Đội VTTT làm chức năng tổng hợp của các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, quân đội, công an. Đội có năm đoàn đứng chân ở các bàn đạp ven thị xã. Tỉnh quyết định mở rộng địa bàn thị xã, ngoài xã Bình Trước gồm năm khu tám ấp nay thêm các xã Tân Bình (Bình Ý, Tân Phong), Tân Bửu (Tân Thành, Bửu long), Tam hiệp, Hiệp Hòa, Tân Vạn, An Hòa (Bửu Hòa, Hóa An).

Đoàn VTTT số 4 do anh Tư Đức chỉ huy đứng chân ở An Phú xã, lấy hóc Ông Che làm bàn đạp. Đoàn có phạm vi hoạt động ở bờ phải sông Đồng Nai, đối mặt với nội ô, có nhiều khó khăn to lớn. Quán triệt phương trâm công tác vùng địch chiếm, đoàn chú trọng vấn đề xây dưng cơ sở, xúc tích lực lượng là chính. Để gây niềm tin tưởng cho đông đảo nhân dân hướng về kháng chiến, đoàn chủ trương đ1nh một số trậ nhỏ gây tiếng vang. Dùng lực lượng tinh nhuệ đánh đặc công, đoàn VTTT số 4 phá sập tua bến đò Ngựa gần chùa Long Thiền. Sau đó đoàn kết hợp với đội biệt động tỉnh phục kích ở dốc Chú Hỏa diệt một xe chở toàn sĩ quan không quân Pháp chuyên sửa chữa lắp ráp ơ sân bay Biên Hòa. Lính Cao Đài bắt dân vào rừng Hóa An chặt tre và cây cối nhằm hai mục đích: phá căn cứ ta đồng thời bán cây lấy tiền xài. Củi và cây chặt hạ kéo từ rừng về tạm xếp ở đầu xóm Tân Bản chờ gọi người mua. Anh Tư Đức hớt tay

trên, nhờ một số xe bò của dân ngay trong đêm chở đi bán cho lò Trần Lâm ở Hóa An. Chủ lò này có thế lực, vào làng Tây, lính Cao Đài không làm gì được. Các hoạt động của đoàn VTTT số 4 bác bỏ hùng hồn các luận điệu bịp bợm của địch nói phe kháng chiến chỉ còn tồn tại ngày một ngày hai.

Chiều tối 6-12-1951 anh Tư Đức chỉ huy một số đoàn viên về nhà ông bang Đủ, chủ lò gạch, mời lên hóc ông Che để nhắc nhở nghĩa vụ đóng thuế mà ít lâu nay ông bê trễ. Vơ bang Đủ tưởng chồng bị mang đi thủ tiêu, ngay lập tức chạy tới tổng hành dinh Cao Đài cầu cứu, hứa sẽ biếu hai chục ngàn (gần chục lượng vàng) nếu giải thoát được cho chồng bà ta. Một tốp lính bám theo ta, rồi lính tổng hành dinh và bót cầu rạch Cát bí mật ngay đêm kéo lên bao vây cả khu vực đó. Trưa 7-12, hai bên chạm súng ở rừng Nhíp Hố Ngựa. Anh Châu Ngọc Đức hi sinh. Một số đoàn viên VTTT số 4 rút lên An Phú xã. Địch dùng xe bò chở xác anh Tư Đức về bêu trước cửa trường học Chợ Đồn đông người qua lại hòng hù dọa bà con. Nhưng kết quả ngược lại, bà con thương xót, cảm phục anh và càng tin tưởng vào công cuộc kháng chiến.

Anh Tám Lương (Nguyễn Van Lương) gia nhập bộ đội, chuyển nhiều đơn vị khác nhau. Từ Vệ quốc đoàn Chây Thành, anh qua các đại đội Bàu Cá, Đống Đa, tham gia đánh xe lửa ở Bàu Cá, Trảng Bom rồi về trung đội trinh sát của trung đoàn 310 tập dược đánh Bến Súc. Năm 1951 anh được lựa về bảo vệ đặc khu Sài Gòn – Chợ Lớn. Cơ quan đặc khu di chuyển nhiều nơi, từ chiến khu Đ qua chiến khu Dương Minh Châu. Các chiến sĩ bảo vệ sống cùng các vị lãnh đạo: Nguyễn Văn Linh, Phạm Thiều…Mọi người chịu kham khổ thiếu thốn nhưn nhau, thường ăn cùng mâm, cơm chỉ có rau nấu muối, bữa nào khá hơn thì có mắm ruốc, cá khô. Anh em chiến sĩ thường tát cá, gài bẫy…và tăng gia khoai mì, rau…để mâm cơm được tươi hơn, mọi người có sức khỏe mà công tác và chiến đấu. Cơ quan văn phòng và đơn vị là một nhà, động viên và chăm sóc nhau vượt qua mọi gian khổ. Đầu năm 1953 anh Tám Lương được cử đi tiền trạm xuống Phong Phú (Long An) chuẩn bị đón các vị lãnh đạo. Chẳng may anh bị bệnh nặng, đồng chí Năm Thành, Chánh văn phòng, làm giấy cho anh về địa phương chữa bệnh, làm ăn sinh sống. Khỏi bệnh anh mở quán phở tại Chợ Đồn (nên còn được gọi là Tám Phở).

Trận bão lụt giữa tháng 10 – 1952 là thử thách khắc nghiệt đối với phong trào kháng chiến miền đông Nam Bộ. Lũ lụt phá hoại mùa màng của nhân dân cũng như nương rẫy của cán

bộ, bộ đội tăng gia tự túc làm cho ta lâm vào nạn đói gay gắt. Nhiều nơi ta không còn gạo nấu cháo, anh em phải chia nhau từng củ khoai mì đã thối rữa một phần do ngâm nước lụt. Nạn đói làm sức khỏe cán bộ, chiến sĩ ta giảm sút nghiêm trọng. Nhiều anh chị em bị bệnh nặng, suy chop cùng là do thiếu ăn. Nhưng hơn ba chục anh chị em Bửu Hòa thoát li đã cắn răng chịu đựng, vượt qua những ngày đầy khó khăn này, bền gan trụ vững trong hàng ngũ kháng chiến. Lợi dụng thiên tai, Pháp tổ chức càn quét đánh phá nhiều nơi. Tỉnh ủy Thủ Biên đề ra chủ trương đẩy mạnh vũ trang tuyên tuyền, xây dựng cơ sở, đẩy mạnh chống càn quét lấn chiếm, thọc sâu hoạt động trong lòng địch mở con đường tiếp tế lúa gạo.

Anh Nguyễn Hoàng Cầu, trung đội phó một đơn vị bộ đội Thủ Biên tham gia đánh đồn Bến Sắn thu nhiều vũ khí quân trang nhưng quí nhất là thu được hơn một tấn gạo chống đói kịp thời. Đêm 18 – 5 năm 1953 anh tham gia đánh bót Tân Uyên. Vượt qua mấy lớp hàng rào, hào cắm đầy chông, anh vào giữa bót nhưng trúng mìn hi sinh.

Nhân dân Bửu Hòa sống trong vùng địch chiếm, bị địch ruồng bố liên tục nhưng vẫn thường xuyên gởi tiền, gạo ra ngoài. Anh Năm Hỉ và anh Lèo được cấp trên cho về làm ăn giữa năm 1953 vì sức khỏe kém, nên bị tên Núc (Hóa An) khai và chỉ. Lính Cao Đài bao bắt, các anh được người quen cho biết nên trốn thoát lên Buôn Ma Thuột sau hiệp định Geneve 1954 mới về.

Tiếng súng từ các nơi luôn luôn vang vọng về Chợ Đồn dưới ách kềm kẹp chặt của địch. Kho dầu Phước Lư bị đ1nh cháy vào dịp sinh nhật Bác Hồ 19 - 5 - 1953, trận đánh bót Cẩm Vinh (Tân Triều) tháng 12 – 1953, trận đánh lính Commando trong sở cao su phủ Thanh…là lời bác bỏ sinh động, mạnh mẽ các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của địch. Báo chí Pháp và Sài Gòn thỉnh thoảng cũng phải thú nhận thất bại của chúng trên các chiến trường Đông Dương.

Tháng 3 – 1954 chiến dịch Điện Biên mở màn lập tức thu hút sự chú ý của đồng bào Bửu Hòa. Mọi người tìm đọc và bình luận ngày càng công khai về sự tất thắng của bộ đội cụ Hồ. Một số gia đình có người thân bị giam giữ, gói đồ thăm nuôi bằng báo. Các tin tức đã gây niềm vui và tin tưởng vào ngày mai cho những người sau song sắt.

Hội nghị Geneve nhóm họp càng được bà con chú ý theo dõi sát sao hơn. Mọi người hồi hộp với diễn biến của hội nghị. Ngày 20 – 7 năm 1954 hiệp định đình chiến ở Việt Nam được kí

kết, lập lại hòa bình ở trên đất nước ta. Sau chín năm chiến tranh ác liệt, trãi qua bao hi sinh gian khổ, đau thương tang tóc, nay mọi nhà mọi người mới thở phào nhẹ nhõm. Cái giá phải trả cho chiến thắng và hòa bình quá lớn. Nhưng thắng lợi thật sự mới chỉ trên nửa đất nước, nhân dân Bửu Hòa được hưởng hòa bình không lâu lại phải tiếp tục đấu tranh chống kẻ thù mới trong hoàn cảnh hoàn toàn mới.

PHẦN THỨ NHÌ

CHỐNG MĨ CỨU NƯỚC

Hiệp định Genève tháng 7-1954 dánh dấu một bước ngoặt trong lịch sử Việt Nam. Nửa đất nước phía bắc vĩ tuyến 17 hoàn tòan giải phóng, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng lao động Việt Nam, bước vào thời kì quá độ chủ nghĩa xã hội làm hậu phương vững chắc cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Miền nam mới đầu về danh nghĩa thuộc quyền kiểm soát của quân đội liên hiệp Pháp. Đầu tháng 7-1954, Ngô Đình Diệm qua nhiều năm được đào tạo ơ Hoa Kì, nay được Mĩ đưa về làm thủ tướng thay Bửu Lộc, nhằm thực hiện âm mưu chiến lược là biến miền nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự và tiền đồn "ngăn chặn làn sóng đỏ lan tràn xuống vùng Đông Nam Á" khi có thời cơ thuận lợi và đủ sức mạnh sẽ "bắc tiến". Mĩ giúp Diệm tiền bạc và tàu bè tổ chúc dụ dỗ cưỡng ép gần một triệu đồng bào miền bắc – phần lớn là tín đồ đạo Thiên Chúa – để có hậu thuẫn chính trị. Cố vấn Mĩ đạo diễn họ Ngô từng bước thâu tóm quyền lực bằng cách gạt dần các phần tử thân Pháp ra khỏi các cấp chính quyền từ trung ương tới thôn xã, một mặt dùng tiền bạc mua chuộc, mặt khác tập trung lực lượng đánh dẹp các phe phái Bình Xuyên, Cao Đài, Hòa Hảo không ăn cánh để thống nhất các lực lượng vũ trang cát cứ vào quân đội Sài Gòn.

Dưới sức ép của Mĩ, tháng 12 – 1954 Pháp phải kí hiệp ước Pau (pô) trao trả chủ quyền cho Diệm và đến tháng 6 – 1956 toàn bộ lính viễn chinh Pháp rút khỏi miền nam Việt Nam. Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương Đảng nhận định: "kẻ thù trước mắt cụ thể của ta là đế quốc Mĩ

và bè lũ tay sai (bao gồm bọn bù nhìn thân Mĩ và phái thực dân Pháp thân Mĩ). Đế quốc Mĩ là kẻ thù đầu sỏ nguy hiểm nhất".

Ngày 11- 8 – 1954 lệnh đình chiến có hiệu lực trên toàn Nam Bộ. Hàng chục gia đình ở Bửu Hòa lên chiến khu Đ hoặc ra khu tập kết Hàm Tân – Xuyên Mộc tìm gặp người thân đi kháng chiến xa nhà từ lâu. Chưa vui xum họp, đã sầu chia phôi, chỉ gặp nhau ít bữa, họ lại chia tay nhau lần nữa với lời hứa hẹn hai năm sau sẽ ở bên nhau mãi mãi. Người ở lại động viên "ra đi vĩ đại", kẻ xuống tàu động viên "ở lại quang vinh". Hai mươi tám anh chị em quê Bửu Hoa tập kết ra bắc: Bùi Trọng Thảo, Võ Hà Thành, Nguyễn Văn Lộ, Huỳnh Kim Quới, Trần Văn Dư, Trần Minh Chánh, Trần Thị Thơm, Huỳnh Thị Lộc, Nguyễn Văn Tịnh…bằng nhiều chuyến tàu khác nhau.

Đồng chí Hoàng Tam Kì, Bí thư thị ủy Biên Hòa, giao cho bà Hai Xi (Nguyễn Thị Xi) nhiệm vụ tổ chức đưa hai đợt hơn hai chục thiếu nhi từ 10 đến 12 tuổi là con em cán bộ xuống Phụng Hiệp để từ đó đưa ra bắc, đào tạo cán bộ cho tương lai. Len lỏi qua nhiều trạm kiểm soát của địch, suốt quãng đường dài ngót bốn trăm kilomet người nữ đảng viên lớn tuổi đã đưa các cháu đến nơi an toàn. Đợt thứ ba, bà đưa năm cháu nữa nhưng xuống trễ đành phải đưa về.

Theo hiệp định Geneve, hai ben phải trao trả hết cho nhau những người từng cộng tác với đối phương trong thời kì chiến tranh. Bản chất đế quốc luôn luôn ngoan cố, thực dân Pháp phân tán và giấu nhiều tù binh, tù chính trị ở các trại giam khác nhau. Theo chỉ đạo của tỉnh ủy và thị ủy Biên Hòa, ông Tư Tác, bà Tư Tác (Đinh Thị Hoa), bà má hai (Phạm Thị Thiệt)…đi tìm các thân nhân tù trong và ngoài xã, hướng dẫn họ làm đơn xuống trực tiếp Ủy hội Quốc tế ở Sài Gòn đòi can thiệp thả chồng con, anh em họ. Bà Hai Mè (Huỳnh Thị Mè), bà Tám Nhĩ (Nguyễn Thị Huê) bà Hai Xi…nhiều lần làm nòng cốt trong các nhóm xuống Ủy hội quốc tế đưa đơn yêu cầu can thiệp ngăn cản Diệm không khủng bố, trả thù người kháng chiến cũ, mặc dù công an cảnh sát bố trí dày đặc hăm dọa, ngăn cản. Kết quả thu được không nhiều, chỉ một số ít được tha về.

Từ nửa cuối năm 1954 đến năm 1955 tình hình Bửu Hòa lắng dịu. Quân đội liên hiệp Pháp rút về nước, lính Cao Đài ở tổng hành dinh nhập vào quân đội quốc gia. Tổng hành dinh trở thành trụ sở hội đồng xã. Khâm Châu đạo – bộ phận lãnh đạo toàn tỉnh của đạo Cao Đài –

dời về hộ 4 nội ô (nay là trụ sở UBND phường Trung Dũng). Trong khi cấp trung ương và cấp tỉnh của chính quyền Diệm xáo trộn mạnh các nhân vật thân Mĩ thay chỗ các người thân Pháp thì bộ máy chính quyền Bửu Hòa cũng thay đổi. Võ Văn Nghiêm cán bộ giáo dục thời chín năm chống Pháp – làm đại diện xã. Ủy viên hộ tịch là ông Nàm – chủ nhà máy người Hoa. Xã trưởng vẫn là ông bảy Kí. Ta tranh thủ cài một số người tốt vào làm việc trong bộ máy chính quyền xã, số này giúp làm giấy tờ cho cán bộ ta dùng ít lâu sau. Ảnh hưởng và uy tín của kháng chiến còn rất mạnh, hội đồng xã làm việc cầm chừng, tỉnh và quận bảo bảo sao xã làm vậy. Tuần canh hương thôn và lính bảo an hầu như không ruồng bố lùng sục. Họ thỉnh thoảng tuần tra chiếu lệ. Hệ thống trưởng ấp và tổ chức ngũ gia liên bảo đặt ra cho có, không hoạt động gì.

Chi bộ Đảng An Hòa tách thành hai chi bộ Bửu Hòa và Hóa An năm 1955 khi đồng chí Năm Nhiễu (Lê Văn Nhiễu) thường vụ thị ủy Biên Hòa – bàn giao các xã ở bờ phải sông Đồng Nai cho dồng chí Tư Thanh (Sáu Trọng, Lê Văn Rộng) cán bộ huyện ủy Vĩnh Cửu. Chi bộ Bửu Hòa có năm đảng viên: bà Hai Xi (bí thư), Tư Sử (Võ Văn Thuận), Tư Thiệt, Tư Đặt, Hai Ú đều là cán bộ kháng chiến cũ. Về sống với gia đình, sau khi được học nghị quyết tình hình mới, nhiệm vụ mới, các đảng viên này thường dùng hình thức chuyện trò với bà con, be bạn để tuyên truyền ý nghĩa thắng lợi của hiệp định Geneve và nhiệm vụ đấu tranh thống nhất nước nhà. Một số tài liệu, truyền đơn về hiệp định dược gửi cho hội đồng xã để tranh thủ giáo dục họ. Đại diện Nghiêm nể sợ nhất ông Tư Tác, một người kháng chiến cũ có uy tín cao trong nhân dân. Theo chỉ đạo của tỉnh và huyện, cán bộ ta viết thư cho một số thân hào, nhân sĩ: bà Huỳnh Ngọc Nữ, Trạng sư Nguyễn Hữu Châu, Trần Văn Lắm, ông Hườn chánh văn phòng tòa hành chánh Biên Hòa…để qua họ mà yêu cầu chính phủ Diệm phải thi hành nghiêm chỉnh hiệp định Geneve, phải hiệp thương giữa hai miền tiến tới tổng tuyển cử thống nhất nước nhà.

Tết Ất Mùi 1955 là cái tết hòa bình đầu tiên rất vui. Trong không khí náo nức hồ hởi chung, mọi người đều xoay quanh câu chuyện trung tâm: hòa bình, thống nhất đất nước. Ai cũng mong có hiệp thương để bắc nam sum họp một nhà thì những tết sau càng vui trọn vẹn, nhất là các gia đình có người đi tập kết.

Xã Bửu Hòa có một số thanh niên đi học các trường Sài Gòn như Nguyễn Tuấn Cảnh, Nguyễn Tuấn Sơn, Nguyễn Huy Sinh, Nguyễn Thanh Long, Quơn…Các anh có bạn ở cù lao

Phố là Năm Ngũ (Bạch Ngọc Giao), Ba Thảo (Nguyễn Văn Hiếu)…Được các lớp đàn anh dìu dắt nhóm học sinh Bửu Hòa hăng hái tham gia nhiều phong trào tại Sài Gòn – Chợ Lớn. Bí thư đoàn trường Pe1trus Ký là anh Nguyễn Văn Thiện trực tiếp chỉ đạo các học sinh nòng cốt này.

Tháng 4-1955 lính của Diệm đánh nhau với lính Bình Xuyên. Chiến sự phá hủy gần 30 ngàn ngôi nhà của dân lao động nghèo, làm chết bốn ngàn người, mười một ngàn bị thương, 200 ngàn lâm vào cảnh màn trời chiếu đất. Thành ủy Sài Gòn – Chợ Lớn chỉ đạo phong trào cứu tế nạn nhân chiến cuộc. Số học sinh Bửu Hòa tham gia các cuộc cứu trợ các cuộc diễu hành biểu dương lực lực lượng các đoàn đi thu dọn và dựng lại nhà cửa bị đốt phá. Ở khu vực Nancy, Bàu Sen trong cuộc biểu tình lớn kết thúc cứu trợ nạn nhân, các diễn giả đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Đã xảy ra xô xát giữa người biểu tình với lính và cảnh sát, chúng bắt một số.

Ngày 2-7-1955 nhóm học sinh Bửu Hòa tham gia cuộc mít tinh do phong trào học sinh sinh viên cứu quốc Sài Gòn – Chợ Lớn tổ chức đòi Diệm thực hiện đúng hiệp định Geneve, hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Các anh in truyền đơn, rải trong xã và cả ở nội ô Biên Hòa cũng như Sài Gòn.

Chùa Long Thiền có hòa thượng Thích Huệ Thành là hội viên hội Phật giáo cứu quốc trụ trì đã nhận và phân phát "Lời hiệu triệu của Liên Việt Nam Bộ" cho tăng ni, phật tử toàn tỉnh, nội dung toàn văn như sau:

Toàn thể đồng bào Nam Bộ,

Các bạn ngoại kiều,

Để biểu dương tin thần đoàn kết đấu tranh của các tầng lớp nhân dân Nam Bộ, của ngoại kiều.

Để phản đối đế quốc Mĩ và tay sai Ngô Đình Diệm kẻ thủ phạm đã gây ra tang tóc, đau khổ, rối loạn ở miền nam Việt Nam, âm mưu phá hoại tổng tuyển cử tự do hòng trường kì chia cắt Việt Nam, biến miền nam Việt Nam thành căn cứ quân sự và thuộc địa của Mĩ.

Để biểu dương nguyện vọng tha thiết, ý chí sắt đá của nhân dân Nam Bộ và các ngoại kiều, đòi các nhà đương cuộc có thẩm quyền ở miền nam Việt Nam:

1 – Phải thành lập ở miền Nam một chánh phủ dân chủ, tôn trọng hiệp định Genève, tán thành hòa bình thống nhất ở Việt Nam.

2 – Phải bảo đảm tính mạng, tài sản, an ninh trật tự của nhân dân miền nam, chấm dứt cuộc cốt nhục tương tàn.

3 – Phải cải thiện dân sinh, thi hành các quyền tự do dân chủ, chấm dứt cuộc khủng bố phong trào cứu trợ nạn nhân Sài Gòn – Chợ Lớn.

4 – Phải nhận lời đề nghị của chánh phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa đặt lại quan hệ bình thường giữa miền nam và miền bắc.

5 – Phải cùng chánh phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa mở hội nghị chánh trị hiệp thương vào ngày 20 tháng 7 năm 1955 bàn việc tổng tuyển cử tự do để thống nhất nước Việt Nam đúng kì hạn.

Đến ngày 10 tháng 7 năm 1955 dương lịch bắt đầu từ đúng 1 giờ chiều (13 giờ) cho tới 12 giờ đêm (24 giờ) ngày đó, toàn thể các tầng lớp nhân dân Nam Bộ từ thành thị tới thôn quê, các bạn ngoại kiều Pháp kiều, Hoa kiều, Ấn kiều…

Hãy triệt để:

- Ngưng tất cả mọi cuộc sinh hoạt ngoài đường phố.
- Không một ai ra đường, tất cả mọi người đều ở trong nhà.
- Không một ai mua bán, làm ăn, đi lại.
- Chợ không nhóm, tiệm không mở cửa, xe cộ không chạy.

Toàn thể đồng bào Nam Bộ, các bạn ngoại kiều hãy triệt để tham gia ngày đoàn kết đấu tranh này.

Ngày 1 tháng 7 năm 1955

LIÊN VIỆT NAM BỘ

Tại Bửu Hòa, số cán bộ nằm vùng tuyên truyền hướng dẫn tốt nen phần lớn nhân dân nông thôn thực hiện tốt. Ở phố chợ, mọi hoạt động cũng giảm để hưởng ứng "Lời hiệu triệu" nói trên.

Nhóm học sinh Bửu Hòa – Hiệp Hòa vận động đoàn kết giữa các trường ơ Biên Hòa, mở đợt quyên góp các nhà hảo tâm và tổ chức vài lớp học tư kèm học sinh lớp dưới ơ chùa Mục

dồng và một nhà bên hãng dầu để lấy tiền giúp khoảng một trăm bạn học sinh nghèo có điều kiện đi Sài Gòn học. Cùng lúc này, hội truyền bá quốc ngữ Biên Hòa hoạt động. Ban chấp hành là người của ta: Anh Trần Thanh Bạch, hội trưởng, Lê Hoàng Việt làm tổng thư kí, các chị Lâm Thị Lai, Năm Hiền…là ủy viên. Chị Năm Hiền dạy một lớp xóa dốt ơ Chợ Đồn. Qua việc dạy chữ, chị tuyên truyền giải thích hiệp định Geneve trong học viên, kín đáo gợi chuyện kháng chiến, nhắc nhở niềm tin vào Đảng và Bác Hồ. Lớp học bình dân chỉ tồn tại một thời gian, sau bị chính quyền cấm.

Nhóm học sinh Bửu Hòa – Hiệp Hòa lưu hành một số báo có nội dung đấu tranh như tờ Hùng Sinh (Đồng Nai) in roneo, tờ Lột vỏ và tờ Bất khuất (Sài Gòn) in bột ở nhà ông Tám Thiền. Các báo này kêu gọi thanh niên học sinh tham gia đòi Mĩ Diệm thi hành đúng hiệp định Geneve, đòi dùng tiếng Việt làm chuyên ngữ từ cấp tiểu học đến cấp đại học, đòi sửa đổi nội dung và chương trình giảng dạy, đòi trợ cấp cho học sinh nghèo và giải quyết nạn thiếu trường lớp…Các anh hướng dẫn các bạn học sinh tìm đọc sách yêu nước: Vượt Côn Đảo (Phùng Quán). Những kẻ hi sinh, thơ Tố Hữu, thơ Lí Văn Sâm, thơ Vũ Anh Khanh. Một thế kỉ mấy vần thơ…Nhóm các anh tập dượt văn nghệ ở nhà anh Cảnh (số K.1/15 Tân Mĩ) và nhà bà Hai Tự. Trong buổi lễ phát thưởng ở trường Tân Ba, ngoài các tiết mục ca hát, các anh diễn vở kịch tự biên "Tình sư đệ" chửi quận trưởng Tân Uyên bữa đó chủ tọa, làm y xượng mặt về sớm, nhóm học sinh hội họp bàn công tác ở nhiều nơi: ấp Tân Mĩ, xã Tân Ba, cù lao Phố, nhà anh Nguyễn Chí Dạng ở ấp Lân Thành xã Bình Trước…dưới các hình thức hướng đạo, picnic, thăm bà con bè bạn…rất hợp pháp nên không bị theo dõi. Năm 1957 anh Nguyễn Tuấn Cảnh được kết nạp Đoàn tại Bửu Hòa do bí thư Đoàn trường Pétrus Kí tổ chức.

Lợi dụng triệt để thời cơ địch lơi lỏng, chi bộ Bửu Hòa đẩy mạnh phát triển nòng cốt và cơ sở. Một số thanh niên được kết nạp Đoàn là Châu Văn Bảy, Tám Thành, Hai Sớt, Ba Cóc (Trần Văn Thành) Đờn, Đực (con bà Hai Kiệm), Đực (xóm cầu Đá) được các Đảng viên kèm cặp dìu dắt, số đoàn viên rải truyền đơn, dán khẩu hiệu, dẫn đường cho cán bộ về công tác…Chi bộ vận động các gia đình kháng chiến cũ và người có cảm tình với cách mạng, xây dựng họ thành nòng cốt: Sáu Tí, Tư Tác, Tư Sĩ, Năm Đảnh, Tư Sen, hai Hiếu, Tư Bốn, Hai Được, Bảy Thiệt, Bảy Cho, Chín Chút, Chín Thóc, Tư Sợi, Ba Bưởi, Chín Rọt, Sáu Ná, Hai Nhứt, bà Hai

Mè, bà Tư Công, bà Tám Nhĩ, bà Ba Ngưỡng, Hai Sương… Lực lượng này rải điều các xóm ấp. Xóm Cây Dừa (Tân Bình), ấp Tây Bản dưới, ấp Tân Phú…là những lõm chính trị liên hoàn hình thành rất sớm trên đất Bửu Hòa. Tại các lõm này, dân cư là bà con họ hàng hoặc xóm giềng lâu đời, hiểu nhau rất cặn kẽ, tâm tư nguyện vọng họ đều hướng về Đảng và Bác Hồ, đều mong mỏi chóng đến ngày thống nhất. Cán bộ được mọi người bảo vệ, dù họ chưa là cơ sở. Kẻ lạ dòm ngó hoặc lính đi tuần bị dân phát hiện báo ngay cho cán bộ ta để tránh. Thanh niên tại đây đồng lòng không đi lính, nếu bị bắt buộc cầm súng thì tham gia canh gác cho cán bộ đi lại an toàn. Chỉ một số ít ở gần chợ vào cái gọi là "thanh niên cộng hòa", "phụ nữ liên đới", hương chức và dân vệ bị úp bộ vào "phong trào cách mạng quốc gia". Các tổ chức phản động này hoạt động cầm chừng, còn dân chúng thì tẩy chay các tổ chức này.

Theo chỉ đạo của tỉnh ủy Biên Hòa và huyện ủy Vĩnh Cửu, chi bộ Bửu Hòa vận động số nòng cốt lợi dụng "luật cải cách điền địa" của Diệm, làm đơn yêu cầu các chủ ruộng giảm lúa tô. Đơn gửi lên quận trưởng Châu Thành và tỉnh trưởng. Về mặt chính trị, số nòng cốt đi lấy chữ kí của đông đảo bà con kiến nghị đòi hiệp thương tổng tuyển cử, đòi nhà cầm quyền miến Nam không được bắt bớ, trả thù người kháng chiến cũ…gửi Ủy hội quốc tế, tòa tỉnh trưởng, quận trưởng...

Ven sông Đồng Nai, các xã Tân Vạn, Bửu Hòa, Hóa An, Long Hưng có nhiều lò lu và một số lò gạch, gốm…Huyện ủy Vĩnh Cửu giao cho anh Tư Thanh tổ chức nòng cốt trong nghiệp đoàn lò lu. Ban chấp hành có hai người: anh Tư Kiểm (đảng viên chi bộ Tân Vạn), Trương Văn Xoai và Lí Văn Kiều nhiều lần đấu tranh với giới chủ đòi: cất nhà cho thợ ở xa có nơi nghỉ lại, đòi ngày làm 8 giờ, nếu quá thì được hưởng phụ trội, hàng năm có tháng lương thứ 13… Những cuộc đấu tranh này đáp ứng yêu cầu bức bách của thợ thuyền nên đông đảo anh em làm hậu thuẫn cho nghiệp đoàn, sẵn sàng lãn công hoặc bãi công làm áp lực với chủ. Có lần để giải quyết yêu sách, một cuộc họp gồm phó tỉnh trưởng, đại diện nghiệp đoàn, đại diện giới chủ lò diễn ra khá căng thẳng. Kết quả chủ lò phải nhượng bộ thợ, đời sống người lao động được cải thiện một chút. Ít lâu sau, thợ năm lò gốm và lò gạch Bửu Hòa cũng đấu tranh đòi lập nghiệp đoàn bảo vệ quyền lợi cho chính mình.

Giữa tháng 6/1956 Mĩ Diệm mở chiến dịch Trương Tấn Bửu đánh phá cách mạng khu đông Nam Bộ. Trọng điểm tố cộng, diệt cộng của chiến dịch này là hai tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa. Hàng sư đoàn lính và cảnh sát tiến hành nhiều dợt bố ráp quy mô lùng bắt đảng viên và cán bộ kháng chiến cũ. Lính Diệm rầm rộ kéo về Bửu Hòa. Xe chở lính đậu dài từ ngã tư Chợ Đồn đến bến đò Ngựa. Anh Tư Thanh lúc này đang ở nhà ông Tám Đạm ở Chợ Đồn cũ. Gia đình ông rất sợ liên lụy. Anh phải ra sức an ủi. Với giấy tờ giả, anh thoát sang tạm trú ở khu di cư Tân Mai, Tam Hiệp. Lúc chúng rút, anh lại về cơ sở Bửu Hòa. Bọn công dân vụ bày trò xịt thuốc DDT diệt muỗi sốt rét để dòm ngó đến tận ngóc ngách phòng kín từng nhà hòng phát hiện cộng sản nằm vùng, song không thu được kết quả gì. Bọn cán bộ thông tin tổ chức học tập tố cộng với tham vọng phát động bà con bới tận gốc, trốc tận rễ mầm mống cách mạng. Theo chỉ đạo của cán bộ đảng viên, nhiều bà con không đi học dù bị hăm dọa dữ. Số người học đã ít, lại còn phản ứng với các lời ba hoa thiên địa của bọn này bằng nhiều cách: nói chuyện riêng gây mất trật tự, lén bỏ về, hỏi những câu vặn họng khiến chúng không giải đáp nổi…

Từ sau chiến dịch Trương Tấn Bửu, số cán bộ đảng viên cũ đã lộ bị địch vào sổ đen. Đại diện Nghiêm biết rành từng người, mời đến trụ sở xã "chạm mặt" thường kì. Bị khống chế chặt, một số đảng viên bỏ sinh hoạt không tham gia công tác. Bà bí thư Hai Xi gần như bị vô hiệu hóa, huyện ủy Vĩnh Cửu phải để tạm lắng từ năm 1957.

Song các hoạt động rải truyền đơn, treo khẩu hiệu vạch mặt Diệm đàn áp trả thù người kháng chiến củ phá hiệp thương tổng tiễn cử… vẫn xảy ra lai rai. Trên sông Đồng Nai thỉnh thoảng có những bè chuối chăng khẩu hiệu và cờ Đảng, thu hút sự chú ý của đông đảo bà con. Mọi người hiểu rõ cách mạng vẫn tồn tại và phát triển ngay giữa đông dân. Số hội đồng xã và dân vệ hiểu rõ cán bộ đảng viên ta nghiêm chỉnh thi hành chủ trương đấu tranh chính trị bằng phương pháp hòa bình, song âm vang những cuộc diệt tề trừ gian thời chín năm kháng chiến chống Pháp vẫn còn. Đừng làm quá không mang họa vào thân. Cách mạng mà trừng trị thì chạy đâu cho thoát. Tuy đã siết một mứt, nhưng nhìn chung chính quyền xã Bửu Hòa còn lừng chừng nên cán bộ và cơ sở ta hoạt động tương đối dễ. Anh Tư Thanh và một số cán bộ huyện ủy bồi dưỡng kết nạp đảng mấy nòng cốt tích cực: Sáu Tí, Tư Tác, Tư Sen, Hai Nhất, Hai Được thay thế số chùn bước. Bí thư chi bộ là anh Sáu Tí. Chi bộ chỉ đạo chi đoàn TNLĐ hoạt động đều.

các đảng viên xây dựng và nắm số nòng cốt mới: Út Ne, Năm Niên (Tân Phú), Đực Nhạn (Tân Bình), Ai và Hữu Hiếu (Tân Bản A) sử dụng vào việc rải truyền đơn dán khẩu hiệu, bảo vệ các cuộc họp và đưa đường cho cán bộ trên về công tác. Tuy ở sát nội ô có nhiều tua bót bao quanh, nhưng lòng dân Bửu Hòa vẫn hướng về Đảng và Bác Hồ. Đó chính là lũy thép bảo vệ cách mạng. Xóm Gò Tân Bản là nơi diễn ra một số cuộc họp toàn ban chấp hành huyện ủy Vĩnh Cửu. Nhà ông Ba Rồng, Sáu Cửu…là nơi họp bảo đảm an toàn tuyệt đối.

Ấp Tân Bình có gia đình bà Mai Thị Phòng ở sát sông Đồng Nai. Vào nhà bà, có thể đi bằng nhiều hẻm ngóc ngách. Dân xóm toàn người hiểu biết nhau rất kĩ, bảo vệ nhau rất tốt, kẻ lạ mặt dừng hòng dòm ngó. Vì vậy, đồng chí Năm Thu (Hoàng Minh Đạo), ủy viên thường vụ thành ủy Sài Gòn – Gia Định, lấy nhà bà làm nơi thỉnh thoảng hội họp, trao đổi công tác suốt 15 năm liền, cho đến cuối năm 1969 đồng chí Năm Thu hi sinh (ở nơi khác).

Bửu Hòa là một đầu mối giao thông đi nhiều ngã thuận tiện bằng đường bộ, đường sông, đường sắt. Từ giữa năm 1957 địch mở thêm xa lộ Sài Gòn – Biên Hòa.

Để kỉ niệm ngày thành lập Đảng, một đêm tháng 2 – 1957 anh Sáu Tốt và một thanh niên ở cơ sở Bửu Hòa treo một lá cờ búa liềm trên cây dầu cao nhất núi Châu Thới. Cán cờ là cây tầm vông, cột bằng mấy vòng dây kẻm vào thân cây dầu. Sáng ra, công nhân hãng thầu Mĩ BRJ-RMK ngưng không dám vào làm việc ở mỏ đá Châu Thới. Địch báo động, cho lính bao vây núi này sợ có lực lượng vũ trang ta ém ở đó. Chúng tiến rất thận trọng, tập trung súng bắn mấy giờ liền mới gãy cán, rớt cờ.

Tháng 10-1958 anh Tư Thanh ăn cơm ở nhà ông Năm Nghĩa thợ đục đá, ở xóm đình ấp Tân Phú. Một tên chỉ điểm trà trộn vào số thợ lò lu, lò gạch mật báo công an Diệm. 11 giờ đêm, công an có dân vệ xã đi cùng, bao kín nhà bác Năm, vào xét tờ khai gia đình, nhận mặt từng người. Chúng chưng hững ra về. Với kinh nghiệm hoạt động bí mật, đêm đó anh Tư Thanh ngủ ngoài hàng rào nhà Năm Niên (Bùi Văn Niên) cách đó 300m, có hầm bí mật ở sát hầm sen.

Tỉnh ủy Biên Hòa cử đồng chí Ba Phụng (Phạm Văn Định), trưởng ban căn cứ giao liên tỉnh, về đặt trạm tại Bửu Hòa cuối năm 1954. Anh xây dựng một số cơ sở: chị ruột Hai Lục nhà ở sát cầu đúc để cất giấu tài liệu và phân phối đi các nơi, nhà ông Tư Bốn lo chỗ ăn ngủ và cất giấu tài liệu, cơ sở Hữu Hiệp (Huỳnh Văn Hòa) ở Chợ Đồn cũ làn vách đôi để anh có chỗ ẩn

trốn. Hai nhân viên của trạm là cô Hương (ăn ở tại các nhà bà Hai Xi, Tư Tác, Bảy Biên, và in tài liệu ở nhà chị Hai Lục) và chị Hoa (dược trưởng ấp Tư Bốn nuôi và che dấu trong nhà). Các đầu mối giao liên các nơi thường đi đi về về, ghé nhận tài liệu dăm phút rồi đi luôn. Địch theo dõi lâu nhưng không phát hiện được.

Lợi là nhân viên của ti công an Thủ Biên, xưa cùng công tác với anh Ba Phụng, bị bắt đã đầu hàng địch. Ngày 29-11-1958 tên này gặp anh Ba Phụng, vờ rủ anh ra xóm ngoài mua bưởi dùm. Hai người đến gần trụ sở xã thì cảnh sát và dân vệ ùa ra bắt. Chúng lôi anh vào cổng xe lửa tra tấn tại chổ bằng gậy, đổ nước và cả tra điện hòng phăng ra hệ thống giao liên toàn tỉnh Biên Hòa. Anh dũng cảm chịu đòn, không khai một lời. Chúng chở anh về ti cảnh sát Biên Hòa.

Hay tin anh bị bắt, ông Chín Chút chạy đến báo chị Hai Lục dời hai thùng tài liệu chôn ở chuồng heo đi nơi khác. Bọn cảnh sát ập tới. Chúng bắt chị Hai Lục, cô Hương và cháu Nghĩa mới hai tuổi lục soát xăm soi nhà từng tí một. Thứ có giá trị nhất mà chúng tìm thấy là hai hộp bích qui đầy công văn, tài liệu của tỉnh ủy gửi huyện ủy Long Thành. Chúng cướp một số tài sản rồi niêm phong nhà và cho một số phục lại chờ bắt ai lui tới.

Trong tù, anh bị đòn tàn nhẫn song chỉ một mực "không biết…chỉ có mình tôi làm…tài liệu gửi theo hộp thư chết…địa điểm thay đổi lung tung…". Cô Hương khai là người quen tới chơi bị bắt oan, liên tục đòi thả về. Chúng tập trung khai thác chị Hai Lục hòng moi bí mật của tổ chức. Tên điều tra hỏi:

- Những đứa nào thỉnh thoảng hội họp ở nhà mày?
- Em tôi làm thợ hồ, bạn nó tới chơi.
- Tên chúng nó là gì ?
- Thấy kêu là anh Hai, anh Ba, chú Tư…vậy thôi.
- Chúng nó ở đâu ?
- Không biết. Họ tới chơi, nói chuyện làm ăn một lát rồi về.

Không thu được lời khai mới mẻ nào, tên này xoắn tóc chị, dộng đầu vào tường nhiều lần tới lúc chị ngất xỉu. Đòn dã man này làm chị điếc từ đó. Cháu Nghĩa vào tù bệnh lên bệnh xuống, khóc suốt ngày đêm. Chúng cho chị gửi cháu về nhờ người quen nuôi giùm. Vào trại tập

trung Phú Lợi, chị càng bị đòn nhiều hơn về tội ngoan cố có lần tưởng chết. Chị bị ba năm tù, ngày 26-10-1961 được về.

Anh Sáu Tình-chồng chị-bị bắt về ti công an Biên Hòa. Bọn điều tra hỏi sơ sơ về anh Ba Phụng rồi chúng cho hai anh em gặp nhau. Nó bảo suy nghĩ cho kĩ, khai cho thiệt. Hết thời hạn, chúng đánh bằng gậy và đổ nước cresyl. Anh nói anh là tài xế ít ở nhà, không biết gì hết. Anh bị nhốt caso kế bên anh Ba Phụng. Đêm khuya thanh vắng, anh Ba khẽ động viên: "Ráng nhé, anh Sáu ơi". Phòng điều tra có một tên khi say rượu thường xách chìa khóa mở caso lôi tù ra đánh như máy. Anh Sáu Tình bị hàng chục trận "đòn say" như vậy. Caso nhỏ hẹp hôi hám, ngột ngạt. Anh leo sát lỗ thông hơi để hít thở không khí tươi mát bên ngoài. Thấy một ve dầu gió lớn trong lỗ thông hơi, anh lấy xuống. Bị đòn đau nếu khai ra sẽ có tội với cách mạng, sẽ bị nhân dân nguyền rủa, không khai nó đánh riết cũng chết, anh bị dồn vào bước đường cùng. Anh đập vỡ ve thủy tinh, lấy miếng sắc cứa vào mạch máu hai cổ tay định tự vận. Sáng sớm hôm sau, một người tù quét dọn bên ngoài, thấy máu chảy, hô hoán lên. Chúng mang anh đi nhà thương cứu chữa rồi đày đi Phú Lợi. Anh được tha ngày 26-10-1962.

Một gia đình ở Bửu Hòa rất lo khi cả nhà chị Hai Lục bị bắt. Lúc chị được tha về anh Hai Ú nói lại:

Hồi đó hàng tháng trời tôi cứ ngồi bó gối trong nhà chờ tụi nó vào còng tay lôi đi. Nghe tiếng xe chạy, tiếng giày lính cũng giật mình. May mà chị không khai ai, làng xóm vẫn êm.

Sau vụ cơ sở Hai Lục bể, tình hình Bửu Hòa lắng dịu dần. Các anh Tư Thanh và Mười Sang viết thư tranh thủ giáo dục hội đồng xã kêu gọi họ ủng hộ cách mạng, đừng làm khó dễ cho dân đang gặp khó khăn. Ngày rằm tháng 1 âm lịch (25-12-1958) trong buổi lễ Kì Yên ở đình Tân Bản, đại diện Nghiêm rượu ngà ngà, đem cái thư ra đọc trước bà con, sau đó chửi thề: đ.m. lũ Việt Cộng con nít mà dạy đời, tao là Việt Minh tay tổ đây nè.

Huyện ủy Vĩnh Cửu thấy Bửu Hòa là nơi có mạng lưới cơ sở rộng khắp và tinh thần quần chúng rất tốt, đã dời văn phòng về đây.Từ bí thư đến cán bộ nhân viên, có lúc đông tới hai ba

chục người: Chín Tỏ, Sáu Phát, Ba Cù, Ba Chánh, Mười Sang, Tư Thanh, Sáu Phong, Bảy Huỳnh Lan, Hai Tố, Sáu Tốt…ở rải đều các cơ sở[3].

Các anh đóng vai người làm mướn, đi buôn đi thăm bà con…dùng giấy tờ giả, được dân nuôi và bảo vệ chu đáo. Ta nắm được các trưởng ấp, trưởng liên ga, họ đồng tình bao che khi lính và cảnh sát đi ruồng ráp. Văn phòng huyện ủy khắc một số mộc giả còn giấy khống chỉ là giấy thiệt do một số cơ sở làm việc trong chính quyền xã lấy cho. Số cán bộ, đảng viên của huyện ủy từng được giáo dục, rèn luyện trong chín năm kháng chiến chống Pháp nên có chung một số nét phẩm chất: hòa mình với quần chúng, chịu đựng gian khổ, dám hi sinh vì sự nghiệp của Đảng và dân tộc, nói sao làm vậy…nên đi dân nhớ, ở dân thương. Bà Hai Mè – mẹ liệt sĩ và có con đi tập kết…thương số cán bộ nằm vùng như con đẻ. Bà dám xin đại diện Nghiêm và ông xã kí cho anh Mười Sang vô sổ gia đình bà vì bà nhận làm má nuôi. Nhà cửa từng bị đốt phá mấy lần hồi chống Pháp, chỉ có mấy công đất trồng chuối, bán lá và trái để sống, bà thuộc loại nghèo nhưng có anh em nào về, bà đều nuôi. Nếu anh em nhờ bà đi móc gia đình, bà không quản ngại. Đường có xe chạy thì bà đi xe, nơi không có xe thì bà đi bộ. Bà khổ công sáu lần từ Bửu Hòa đi Long Bửu (Gia Định) mới rước được vợ Mười Sang về gặp chồng, cho anh tâm công tác. Biết Ba Chánh là cán bộ "cấp cao" của huyện, bà mua trà ngon hiệu con khỉ cho uống, có lần không có thức ăn, bà không ngần ngại lấy mấy trứng gà trong ổ đang ấp đem chiên để bồi bổ cho anh. Lâu lâu không thấy cán bộ quen về, bà hỏi thăm và đi tìm gặp. Sống giữa lòng dân trong sáng thủy chung với cách mạng như vậy, cán bộ ta nói chung cang cố gắng công tác.

---

[3] - Cơ sở Xóm Gò: ông Chín Rồng va hai con là chị Hai Chắc, Tám Thành, ông Sáu cửu và con là Võ Văn Nhiều, ông Hai Su7o7ngva2 con là Mười Sa, bà Hai Kiêm, bà Hai Mi, ông Sang, ông bà Đinh Văn Trong và con là Hai Đạo, ông Tư Ổi, ông Phạm Văn Bằng, ông Nám Ca.

- Cơ sở Tân Mĩ: bà Tư Công, ông Tư Sen và con gái Tư Nhiều, con rể Bảy Già, ông Năm Đảnh, bà Hai Mè, bà Năm Chiếu, bà Bảy Biên, bà Hai Đặc, anh Sáu Tí, bà Ba Neo.

- Cơ sở Tân Bản giữa: ông chín thóc (Trần Văn Sâm), ông Tư Đặc, ông Phạm Văn Thẳng, anh Hai Sớt, anh Ba Cóc, ông Sáu Hỉ.

- Cơ sở Tân Phú: ông Ba Răng, bà Lợi, vợ chồng Hai Oai, vợ chồng anh Hai Hiếu, ông Năm Niên, ông Hai Rầy.

- Cơ sở Tân Bình: ông Giang, bà Thân, ông Đắc, bà Nga, ông Bảy Ve, bà Kiều Thị Phuôn, Bà Nguyễn Thị Bò, anh Đực Nhan, bà Bảy Đen, ông Bảy Thiệt, ông Bảy Cho, bà Bọ, ông Nhâm, ông Quí, ông Đạm, ông Tư Tân, ông Minh (công đoàn), bà Lì.

- Cơ sở Tân Bản trên : bà Tơ, ông Biên(Chúc), bà Tám Nhĩ, bà má Hai, bà má Trầu, ông Phạm Văn Liêu,ông bà Phạm Văn Bền, bà Trần Thị Ba và con gái Hai Xuân, con rể Hữu Hiếu, ông Tư Dưỡng và con gái Bảy Cơn,ông Năm Hỉ và bà Coi, ông Nga và con Rích, ông Hỏi và bà Ba Miên, ông Chín Chút và vợ Nguyễn Thị Cưỡng.

Đầu tháng 12-1958, Mĩ Diệm âm mưu đầu độc sát hại hàng ngàn người yêu nước tại trại tập trung Phú Lợi. Tỉnh ủy Biên Hòa, huyện ủy Vĩnh Cửu chỉ đạo phát động phong trào đấu tranh tố cáo tội ác tày trời của Mĩ Diệm, vạch trần bộ mặt phát xít của chúng để gây căm thù.

Anh Tư Thanh chỉ đạo anh Hai Sớt mua đệm trần bằng lá buông và sơn trắng. Anh Hai nhờ bà ngoại – người Tân Đông Hiệp – đi chợ Biên Hòa mua ba dây đệm. Người quen gặp, hỏi:

- Bà mua làm chi nhiều đệm vậy?
- Tui mua về dí lúa (dí: phơi)

Số đệm và sơn đem về chòi của anh tại cầu Đá (Tân Bản) là nơi ít người lui tới. Anh Tư Thanh bày tất cả ra gốc tràm, viết các khẩu hiệu tố cáo tội ác của Mĩ Diệm, đòi hiệp thương, vận động bà con nông dân đòi chủ ruộng giảm tô, vận động không đóng thuế cho chính quyền.

Đêm 3-2-1959 huyện ủy Vĩnh Cửu tổ chức treo cờ Đảng, viết khẩu hiệu, rải truyền đơn ở Bửu Hòa. Anh Tư Thanh dẫn một tổ thanh niên gồm: Hai Sớt, Ba Cóc và Đực. Nắm được qui luật xe qua cầu 10 phút một lần, và một tiếng đồng hồ lại có xe tuần tra, các anh tranh thủ treo cờ Đảng ở cột cờ thánh thất Cao Đài, chăng một băng khẩu hiệu ngang đường trên hai cây gòn gần đó.Các anh dùng sơn trắng viết rất to lên mặt đường nhựa "Đả đảo Ngô Dình Diệm gây vụ thảm sát Phú Lợi giết hại hàng ngàn đồng bào ta", "Đế quốc Mĩ cút đi"…Mỗi khi xe gần tới, nhìn ánh đèn xe, các anh nép vào các nhà ven đường, xe qua lại viết tiếp suốt từ ngã tư Chợ Đồn tới gần cầu Hang. Bữa sau chúng phải dùng xăng mới xóa được các khẩu hiệu.

Anh Sáu Phát – bí thư huyện ủy – dẫn một tổ gồm: Sáu Tí, Đực mập, Sáu Tốt, Bảy già cũng viết khẩu hiệu, rải truyền đơn từ ngã tư xuống hầm sen (và cò thể làm tới Tân Vạn vì phong trào ơ đây lúc này yếu). Một người lái xe lam chạy qua, trông thấy báo cảnh sát. Tổ anh Sáu vừa qua cầu Thủ Huồng thì chiếc xe lam đó chở số cảnh sát tới. Chúng định bắt sống các anh. Anh Sáu giỏi võ, đánh ngã một tên văng vào trong xe do đó tổ này chạy thoát vô hẻm. Về tới nơi, thấy trong người anh Sáu Phát có súng, một anh hỏi:

- Sao không bắn chết bọn nó đi, anh Sáu?
- Bậy nè, nổ súng bị kỉ luật đó nghen. Cấp trên uốn nắn hoài chống manh động, hổng nhớ sao?

Khi Ba Chánh còn là ủy viên thường vụ rồi phó bí thư huyện ủy Vĩnh Cửu, kẻ địch đã tìm cách tác động vợ anh ta chiêu hồi chồng. Mấy lần vợ Ba Chánh từ Bình Hòa về Bửu Hòa gặp chồng tại nhà bà Hai Mè, lựa lúc vắng người, nói: "thầy tổng kêu về đó, mình lớn có xuôi hết mấy đứa rồi, về nhà, ổng bảo đảm không ai đụng tới, còn má con tôi lo đời sống…"Khi Ba Phụng bị bắt, Ba Chánh được cử thay thế, anh ta nhận với vẻ miễn cưỡng.

Hoạt động cách mạng vào thời điểm 1958-1959 khác xa thời chín năm chống Pháp. Viện trợ Mĩ đổ ào ào vào miền nam, xã hội tương đối hòa bình khuyến khích khuynh hướng sống hưởng lạc trong một bộ phận dân chúng và cũng tác động đến tư tưởng một số cán bộ đảng viên nào đó. Là một cán bộ lãnh đạo huyện, Ba Chánh ăn mặc khá diêm dúa, quần áo lụa phải ủi phẳng lì. Để giữ gìn sức khỏe đặng công tác tốt, phục vụ cách mạng chóng thành công, anh ta đòi hỏi cơ sở muia thức ăn ngon. (Cho nên mới có chuyện bà Hai Mè hốt trứng đang ấp chiên cho "anh Ba bồi dưỡng"). từ lúc làm trưởng ban giao liên tỉnh, anh ta tie6i xài tiền quĩ phung phí, có quan hệ nam nữ bất chính; trong công tác, vài lần giao "nhầm" công văn, chỉ thị cấp trên gửi thị ủy Biên Hòa cho huyện Vĩnh Cửu…Huyện ủy Vĩnh Cửu báo cáo việc này cho tỉnh ủy. Cấp trên có hướng rút Ba Chánh về công tác ở chiến khu Đ để ngăn ngừa tình huống xấu có thể xảy ra. Chị Bảy Bê (Ngô Thị Bảy) sẽ thay thế.

Sau vụ một đơn vị đặc công tập kích Nhà xanh ở máy cưa Tân Mai diệt hai tên Mĩ, làm bị thương một tên vào đêm 7-7-1959, địch lùng sục gắt gao hòng tìm thủ phạm để vừa lòng chủ Mĩ. Tên Bé Hồng phản bội đã chỉ bắt chị Bảy Bê tại nhà ơ cù lao Phố, chưa có ai thay chân Ba Chánh.

Đêm 19-8-1959 Bé Hồng dẫn đội biệt kích I về bắt anh Tư Bạch – một cơ sở ở Hiệp Hòa – và sau đó quay sang Bửu Hòa bắt bí thư chi bộ Sáu Tí. Chúng giam hai anh tại ti cảnh sát Biên Hòa. Trưa ngày 20, một nhân viên đề lao mang cơm cho hai anh ăn, buông một câu mà anh Sáu Tí thấy khó hiểu:

- Chúng bay chỉ là nạn nhân của Ba Chánh thôi !

Sẩm tối, chúng dẫn hai anh Sáu Tí và Tư Bạch lên thì đã thấy Ba Chánh ở đó. Hai anh bị đưa luôn về phòng giam.

Theo hẹn trước, đồng chí Ngô Bá Cao – bí thư tỉnh ủy – trưa 20-8 về gặp huyện ủy Vĩnh Cửu bàn việc tổ chức lực lượng phối hợp đấu tranh tại trụ sở quốc hội Diệm (ngày 25/8/59). Vì xe máy Mobylette của anh trục trặc nên anh về chậm. Anh làm việc với một số cán bộ huyện ủy Vĩnh Cửu gồm các anh Sáu Phong, Ba Cù, Tư Thanh. Họp xong, đã hơn ba giờ chiều. Sau đó anh mới làm việc với Ba Chánh.

Anh Ba Cao không biết tình hình mấy bữa nay găng. Bí thư chi bộ xã vừa bị bắt, có triệu chứng địch sắp bố ráp lớn. Huyện ủy Vĩnh Cửu khá nhạy cảm, quyết định đêm 20 sẽ dời văn phòng đi nơi khác. Anh Sáu Tốt kêu hai con gái ông Tư Dưỡng là cô Bảy Cơn và cô Chùi nấu cơm cho các anh ăn để đi kẻo lỡ. Mấy anh đánh vài ván bài túlơkhơ để chờ cơm. Sau bữa ăn, bộ phận văn phòng huyện ủy thu dọn phân tán, mỗi anh đi một ngã.

Ba Chánh hợp đồng với lính từ trước, bố trí màn bị bắt trên xe đò Biên Hòa – Sài Gòn lúc gần tối. Vào quãng bảy giờ, y dẫn đường cho chúng lần lượt khui từng cơ sở ta. Số cán bộ huyện bị bắt có chị Tư Nguyệt, ông Hai Tố, chị Hoa, sáng hôm sau thêm anh Xường…Vợ anh Bảy Hoành Lang bò ra ngoài thoát, kiếm xe đi Sài Gòn. Số đảng viên Bửu Hòa cũng bị bắt là bà Hai Xi, ông Tư Sen.

Chiều tối 20-8, anh Ba Cao ghé thăm nhà bà Trần Thị Ba là cơ sở quen thân. Trời mưa, anh tính sớm mai sẽ vào Bình Trị - nơi đặt văn phòng tỉnh ủy – Vừa ngồi chơi, nói được dăm câu chuyện thì thấy trong xóm có động – Lính đi bao bố. Anh bắc thang, lên trần hiên mái nhà ẩn trốn cho an toàn. Mưa lắc rắc từ tối đến hết đêm nên anh Hiếu đưa lên một tấm nilon xanh cho anh che mưa. Khoảng 10 giờ đêm, chó trong xóm sủa ran. Cả nhà anh Ba đã ngủ. Lính kêu mở cử xét nhà. Anh Hiếu vừa mở cửa chúng hỏi luôn:

- Ông tới đây hồi chiều bây giờ đâu ?
- Tôi không biết ông nào.
- Ông Ngô Bá Cao, bí thư tỉnh ủy đó mày !
- Tôi không biết ông Cao nào hết, mấy ông cứ xét nhà.

Tra khảo một lúc, chúng cách li từng người trong nhà. Anh Hiếu ngồi một góc nhà ngoài. Bà Ba và chị Hai Xuân ở buồng sau. Một lát khá lâu, ông Tư Dưỡng xuống, tính báo tin lính bắt

nhiều người xóm trên cho gia đình bà Ba hay. Địch khống chế gia đình, không cho ai trả lời. Ông Tư Dưỡng kêu riết, cửa vừa mở, một tên lính xông ra chụp luôn:

- Mày đi liên lạc phải không ?

- Tôi hết thuốc, xuống xin em tôi ít thuốc hút mà.

Nó bắt ông Tư dựa lưng vô tường. Tới sáng, chúng bắt ba người: ông Tư Dưỡng, vợ chồng anh Hiếu, cháu Thúy mới 13 tháng phải để lại cho bà ngoại. trên đường đi, một tên dụ dỗ: cứ nói thiệt sẽ được trọng thưởng rồi đến quãng vắng chúng tao thả cho xuống, bắn một loạt chỉ thiên "bên kia" không biết đâu mà sợ họ trả thù. Anh Hiếu một mực:

- Nhà tôi tài sản như vậy, làm ăn như vậy, tôi theo Việt Cộng làm chi !

Một tiểu đội lính nằm lại nhà bà Ba tính bắt tiếp ai lui tới.

7 giờ sáng 21, một tên lính phát hiện mảnh nilon bay lất phất ở mái nhà. Nó bắn một loạt tiểu liên rồi bắc thang leo lên. Bị lộ, anh Ba Cao cố chống cự, định chạy trốn nhưng toán lính bao bắt được, 8 giờ sáng, chúng chở anh về ti công an Biên Hòa. Anh thấy hàng chục đảng viên cơ sở ngồi đó.

Cò Liêm và tên Chà đen Ngô Quang Sanh (Santali) trong đội biệt kích I ở bót bà Hòa (Chợ Lớn) tiến hành điều tra bước đầu ở ti công an Biên Hòa. Nó kẹp đầu anh Hiếu vào háng nó, vừa đánh vừa hỏi:

- Ông nội mày đây hay ai mà bắt bọn tao dầm mưa suốt đêm. ?
- Mấy ông bắt ông này ở đâu tôi đâu có biết.
- Nó quay qua đạp vết thương ở đùi đang rỉ máu của Mười Sang và hất hàm hỏi:
- Ê có phải thằng này nuôi Ngô Bá Cao không mậy ?
- Dạ đúng, vợ chồng nó nuôi Ngô Bá Cao.
- Anh Hữu Hiếu cãi lại:

- Anh coi lại đi, coi chừng người giống người đó. Tôi làm ăn không quen biết mấy ông. Nhà cửa tôi, nghề nghiệp tôi như vậy tôi dại gì theo Việt Cộng.

Nó tới tấp đánh tiếp đến lúc anh chết giấc. Khi vừa tỉnh, anh lơ mơ nghe:

- Mày ngoan cố còn ăn đòn nữa đó con !

Chúng hỏi anh Ba Cao, anh trả lời:

- Tôi bị rượt, chạy qua tạt vào leo lên đó trốn, chớ anh này không chứa.

Sau đó chúng chở tất cả số bị bắt về nhốt ở bót Bà Hòa (Chợ Lớn). Chúng tiếp tục tra tấn dã man anh Ba Cao và Hữu Hiếu cốt tìm mối quan hệ giữa đồng chí và gia đình cơ sở này, song chúng không đạt kết quả.

Ông Chín Chút bị bắt vài đêm sau. Tay ông bị còng chung với tay của Ba Chánh. Về tới ti công an Biên Hòa, trời đã khuya. Nó để hai người ở văn phòng. Một lát sau, tên coi văn phòng lăn ra ngủ trên bàn, Ba Chánh cũng ngồi gà gật. Ông Chín Chút không ngủ được. Tò mò muốn biết "ông phó bí thư huyện ủy, trưởng ban giao liên tỉnh" bị đòn đến cỡ nào, ông khẽ vén tà áo lụa nõn của y. Dưới ánh đèn diện sáng trưng, da dẻ y vẫn hồng hào trơn láng không vết bầm dập nào. Ông chợt hiểu. Ông khẽ lay Ba Chánh, chờ y tỉnh táo, mới nói:

- Tôi cho các ông mượn chỗ nói chuyệ, xin ông nói giùm đúng sự thật cho tôi. Tôi không biết gì hết.

Ba Chánh gật đầu rồi nhắm mắt ngủ tiếp. Sáng hôm sau tên điều tra làm việc. Sau phần sơ khai lí lịch, một tên hỏi:

- Mày đậu tú tài, nhà cửa khá giả, sao lại theo Việt Cộng?

- Thưa mấy ông, tôi bị lao, mơ quán bán cây ương lấy tiền chữa bệnh. Ông này thỉnh thoảng tới xem hoa và cây kiểng, chuyện trò với ai, tôi đâu có biết.

- Sao, anh Ba ?. Một tên quay sang hỏi Ba Chánh.

Y chỉ gục gặt đầu. Nhờ vậy ông Chín Chút không bị đòn, được đưa xuống phòng giam với hồ sơ trắng (cấp trên của chúng không bằng lòng với hồ sơ này, bắt làm lại với nội dung: cho mượn địa điểm mà không tham gia. Lúc ra tòa tuy trắng án nhưng ông vẫn ở tù đến đầu năm 1964 Diệm đổ ông mới được tha).

Ngày 27-8, anh Sáu Tốt – cán bộ giao liên huyện – về nhà chị Tư Nhiều (Huỳnh Thị Nhiều) ở ấp Tân Mĩ. Từ lâu anh nhận ông Tư Sen, cha chị, là cậu ruột. Anh vừa tới cửa thì thấy một tốp biệt kích đi phía sau. Biệt kích lúc đó là một tổ chức đặc biệt của bộ nội vụ Sài Gòn chuyên truy tìm, đánh phá, bắt bớ cán bộ đảng viên và cơ sở cách mạng. Sợ bị liên lụy sau khi cha bị bắt tuần trước, chị Tư thộp ngực áo anh, đẩy ra. Anh Sáu nói nhỏ:

- Cô muốn gì, nhà có một người bị bắt, lại muốn nó bắt thêm người nữa sao ?

Nghe vậy chị Tư dẫn anh vào buồng. Do thương cha, chị quay ra cửa, bật khóc. Lũ lính tới, một tên chọc:

- Sao đứng đó khóc ?

Lau nước mắt, chị trả lời:

- Ông già tôi bị bắt mấy bữa rày, không hiểu sống chết ra sao.

Chúng đi thẳng.

Chị Tư Nhiều là một cơ sở giao liên của Bửu Hòa. Từ những năm 1955-1956, chị mang công văn thư từ, truyền đơn giấu trong khạp đường, hộp rượu tây, giỏ xách…qua cù lao Phố, xuống Long Bình, Bến Gỗ… Đi vài chuyến đầu, chị run và hồi hộp lắm. Qua mặt bọn lính và cảnh sát, chỉ lo chúng xét và còng ngay lại. Đôi khi chúng dòm dòm giỏ xách làm chị rất lo. Chỉ cần lật vài món bên trên, sẽ lòi "đồ quốc cấm", chúng mà bắt được chỉ có nước tù rục xương. Đi riết rồi quen, phương tiện đi lại của chị chủ yếu là đi bộ, xe đạp hoặc xuồng. Do tích cực công tác, chị và chồng là anh Bảy Già (Châu Văn Bảy) đều được kết nạp Đoàn. Khi ông Tư Sen bị bắt anh Bảy chạy thoát, lẩn trốn nơi kín đáo mấy tháng liền. Tháng 11 năm 1959 chị sinh con trai. Đêm 14-12-1959 cảnh sát và dân vệ tới đập cửa, chị bồng đứa con đỏ hỏn ra mở. Chúng hỏi:

- Có phải đây là nhà của chị Huỳnh Thị Nhiều không ?

- Dạ, phải.

- Mời chị lên xã có chút công chuyện. Chị để đứa nhỏ ở nhà.

Chị không nghe, vẫn ôm đứa nhỏ trong vòng tay, đi theo chúng.

Ba Chánh đứng ngoài sân nói to:

- Cô Nhiều đừng buồn tôi nghe.

Bước thấp bước cao, chị suy nghĩ lung tung và tràn nỗi căm giận. Ba Chánh, Mười Sang ở hà rầm. Cho chúng ăm uống đầy đủ, đối xử quí mến mà nay lại chỉ bắt, còn vuốt ve "đừng buồn". Không hiểu rồi sẽ đòn bộng, tù tội thế nào… Qua đường xe lửa, tới đường đắp mới (đường số 1 hiện nay), chị thấy người bị bắt lóc nhóc, lính bao quanh với súng ống lăm lăm trong tay.

Chị bị nhốt ở trường học Bửu Hòa hai tuần. Bọn biệt kích lấy trường học làm nơi tạm giam người bị bắt đến hơn nữa năm liền. Ba Chánh mấy lần vào vừa hụ dọa, vừa dụ dỗ:

- Cô biết gì, khai đi các ổng cho về, cô không khai các ổng đánh chết, bỏ con nhỏ lại cho ai ?

Y bắt chị dẫn đường đến một số đầu mối giao liên. Trong tình trạng đeo xiềng, bồng con, chúng chở chị qua cù lao Phố bắt bà Năm Cánh, rồi xuống Bến Gỗ bắt một ni cô. Chị bị giải qua một số nhà tù, có lần bị nhốt casô một tháng rưỡi, lúc được ra, đi không nổi phải lết. Chị và con bị tù ba năm. Khi được tha về, đứa nhỏ cứ đòi riết "về nhà" – nơi cháu bé đã quen sống với hàng trăm "cô", "dì", "ngoại" trong lao tù Mĩ Diệm.

Nhà tù giặc là nơi thử thách phí khách can trường cán bộ đảng viên và cơ sở cách mạng. Vàng, thau qua đây được phân định rõ. Có người mới chịu sơ sơ đã không còn giữ được bất cứ điều gì họ biết về cách mạng. Tại đội biệt kích I bót Bà Hòa Chợ Lớn đồng chí Ngô Bá Cao bị đủ các kiểu đòn ròng rã hàng tháng. Da dẻ tím bầm, chân tay sưng vù, mặt mày sưng húp, nước vàng rỉ ra hôi hám tanh tưởi nhưng anh không khai bất cứ điều gì, mấy tên biệt kích nói với nhau đầy khâm phục:

- Thằng cha này mình đồng da sắt hay sao mà đánh cỡ ấy nó vẫn không khai.

Đánh chán, chúng dụ dỗ mua chuộc bằng tiền bạc, chức tước, xe hơi Huê Kì, nhà lầu, gái đẹp… Có lúc chúng tìm cách hạ uy thế cách mạng bằng cách nói xấu. Chúng mở khám, chỉ vào một chị bầu to tướng:

- Đó, trong lúc chồng người ta đi tập kết vắng các anh làm cho người ta như vậy đó.

Anh Ba Cao phản kích:

- Đó là cá nhân người ta vì luyến ái sai lầm mà làm bậy, nếu người đó là đảng viên thì nhất định phải khai trừ khỏi Đảng.

Trước mặt anh, chúng không dám hỗn như với người khác mà luôn xưng hô "anh Ba" với vẻ kính trọng.

Sau một đợt bị đòn liên tục, anh chết đi sống lại 11 lần. Chúng dã man bỏ anh đói và khát. Anh nằm mê mệt, mắt nhắm lại không muốn mở nữa. Chúng bắt anh Hiếu bưng đặt ở cửa casô một chén cháo, đôi đũa gác ngang miệng chén trên đặt một miếng đường tán. Đến ngày

thứ ba, anh Hiếu lén lấy cục đường nhét vào trong để anh ngậm đỡ kiệt sức. Anh Hiếu xé miếng vải áo thấm nước liệng vào. Anh Ba Cao nhặt lấy, đang nút cho đỡ khát, tên giám thị chợt thấy, mở cửa vào giật miếng giẻ ướt làm hai hàm răng anh ê ẩm. Ba Chánh trói thúc kê anh Hiếu, rút dây cho "đi tàu bay" về tội dám cho Ba Cao uống nước.

Kẻ địch rất nham hiểm, chúng đánh chị Hai Xuân bằng tình cảm. Nó lôi anh Ba Cao ra đánh, bắt chị ngồi coi. Một tên nói với chị: mày không khai tao đ1nh nó chết bỏ. Tuy trong lòng hết sức xót xa thương cán bộ, chị một mực khẳng định: tôi không biết ông này. Nó vừa đánh vừa hỏi anh Ba Cao: có phải con này là con Xuân không ? Anh đáp: tôi không hề biết cô này. Nó quay qua đ1nh chị Hai Xuân, mong chị bị đau sẽ khai ra . Anh nói: các anh tra khảo tôi không đủ hay sao mà còn làm khổ chị này ? Vào đây, qua các anh tôi mới biết chị ấy tên Xuân, chứ có biết chị ấy là ai ?

Chị Bảy Bê quê ở Hiệp Hòa bị đòn đến độ băng huyết. Với lòng kính phục và thương sót người nữ cán bộ kiên cường, anh Hiếu bảo:

Chị đưa em giặt đồ giùm, để vậy hôi hám chịu sao nổi.

Nhưng chị Bảy cảm ơn, không chịu phiền.

Trong tù, địch dã man muốn biến người thành con thú. Chúng còng chung một nam với một nữ, cực nhất là lúc đi cầu, lúc đầu cả hai người dều mắc cỡ, một người day mặt phía khác. Song cùng cảnh tù tội vì chung lí tưởng cao cả, anh chị em vượt qua những ý nghĩ đen tối xấu xa, chỉ còn lại tình thương yêu quí trọng nhau sâu sắc hơn cả ruột thịt. Anh chị em thoa bóp cho nhau sau mỗi trận đòn, động viên nhau rán ăn uống cho có sức mà đấu tranh lâu dài. Tại "phòng điện ảnh Chí Hòa" những người chống chào cờ bị còng suốt ngày đêm. Anh Hữu Hiếu nhớ lại: thau cơm có mùi khai chảy chảy nước mắt, tay chân anh em dơ dáy hết mức, mỗi bữa ăn phải lấy mấy hạt cơm vò trên đầu ngón tay để "rửa" cát bụi, phân…rồi bốc ăn. Ở lao Gia Dịnh và Phú Lợi, rệp bò lổn ngổn như kiến, nhiều con "nhảy dù" xuống người tù, hút no máu tròn vo tựa hạt nếp cái, khẽ dí tay là máu vọt ra.

Trong một ngày lễ của chính quyền Diệm, người tù được thết đãi bánh hỏi, thịt quay…khá xôm tụ. Tù chính trị không chịu ăn. Bọn an ninh trật tự vào từng phòng hăm dọa: ai không ăn, bước qua một bên ! Hơn một trăm người trong phòng bước ra, liền bị giải xuống

“phòng điện ảnh”. Tới cửa, mỗi người “ăn” ít nhất dăm hèo mây rồi bị còng cả hai chân và hai tay chéo cánh gà. Cái cùm tập thể là hai cây sắt có hàn nhiều khoen còng, chạy dọc suốt hông tường. Số bị giam vào đây, mỗi bữa chúng cho ăn một vắt cơm nhét vài cục muối, không cho uống nước. Được ba bữa ai cũng khát cháy họng. Anh chị em la hét, chửi rủa địch tàn bạo đến kiệt sức. Lúc đó tên trung úy Đỗ Đình Kì ác ôn mới ra tay tiếp tục khủng bố hòng bẻ gãy ý chí chống đối ngoan cường của số tù chính trị này. Hơn mộ trăm người bị chúng bắt đứng chổng mông, hai tay chống vào tường, mặt úp vào tường. Lần lượt từ đầu phòng vào bên trong, lũ đầu trâu mặt ngựa dùng hèo củ mây, gây lồ ô giáng tới tấp vào lưng và mông từng người. Đánh ai đã đời, chúng mới bắt người đó ủng hộ Ngô Đình Diệm, đả đảo lãnh tụ ta. Tiếng la hét vang lên trong phòng điện ảnh. Nhiều người sức yếu, ngất xỉu cùng bị lôi lên lầu với số quá ngán đòn đau “ủng hộ, đả đảo” lộn xộn. Số này coi như chịu thực hiện nội qui.

Đứng ở cuối phòng, anh Hiếu nghĩ bình tĩnh: chết là cùng, nếu làm sai thì sau này không dám nhìn mặt mấy ảnh. Trận lốc đòn roi tàn bạo cuốn đi gần hết số người trong “phòng điện ảnh”, còn trơ lại tám thỏi thép bất khuất: Ông già Trương Văn Chôm (Cơ sở người Bến Tre), anh Trang Văn Kiệt (cán bộ Hoa vận), anh Minh (nhà báo), anh Nguyễn Văn Liệu(người miền trung), anh Nguyễn Văn Nhỏ tự Cược (giao liên xã Hóa An), anh Trực đầu sói (cán bộ học sinh), anh Đoàn Trọng Cự (quê miền trung) và anh Hữu Hiếu(cơ sở Bửu Hòa). Khi tỉnh dậy, tám anh em nhìn nhau, lưng và mông ai nấy đen bầm như than tàu. Hôm sau, một số ở trên lầu chống chào cờ lại bị đẩy xuống phòng “điện ảnh”. Anh Quí xuyễn (Lê Văn Quí, huyện ủy viên Hà Tiên) ân hận, thành khẩn nói với anh Hiếu: vào đây không móc nối được với nhau nên anh mắc sai lầm chiều qua; mai đây anh được tự do, trở về anh sẽ báo cáo trung thực với Đảng, nếu Đảng khai trừ anh cũng vui lòng.

Nhìn thảm cảnh chốn địa ngục trần gian không sao kể siết. Đúng là “một ngày tù, nghìn thu ở ngoài”. Chịu đựng được thử thách đau đớn, vượt qua những yếu hèn bản năng, phần lớn số cán bộ đảng viên và cơ sở Bửu Hòa trở thành thép đã tôi thế đấy !

Nếu tính từ đêm 19-8-1959 đến hết năm, xóm Tân Phú chỉ mất hai cơ sở: ông Tư Bốn và bà Hai Hiếu, còn 11 cơ sở. Ấp Tân Bản còn hai, vỡ chín cơ sở ông Tư Dưỡng, vợ chồng Xuân-Hiếu, vợ chồng Hỏi-Ba Miên, ông Cao Văn Ngà, ông Chín Chút, bà Tám Nhĩ (Nguyễn Thị

Huệ), ông Hồ Văn Đặc, chị Trần Thị Quí, ông Sáu Cửu, bà Hai Mi, ông Tư Ổi, ông Đinh Văn Trong, ông Năm Ca, anh Bằng, anh Mười Sa. Ấp Tân Mĩ mất bốn: ông Sáu Tí, ông Tư Sen, chị Tư Nhiều…còn chín cơ sở. Riêng ấp Tân Bình không mất cơ sở nào vì Ba Chánh không biết, và số cán bộ đảng viên bị bắt không ai khai. Địch không bắt ông Hai Sương, bà Hai Mè, bà Tư Công, dùng các nhà đó làm "bẫy" hòng bắt tiếp ai lui tới. Nhưng rút cuộc không ai sa lưới.

Sự phản bội của Ba Chánh, Tư Cường, Hà Tư gây tổn thất vô cùng to lớn đối với phong trào cách mạng tỉnh Biên Hòa. Chi bộ Bửu Hòa bị rã. Ông Tư Tác, người đảng viên sót lại, phải trốn chui trốn nhủi liên tục. Địch truy tìm, lùng soát các lùm bụi ven rạch, các chòi ruộng, buộc vợ gọi về đầu làng. Huyện ủy Lái Thiêu phải giúp ông tránh né ở Lái Thiêu và Sài Gòn. (Năm 1960 khi phong trào đồng khởi bùng lên, ông tham gia công trường sửa chữa súng và làm mìn tự tạo vì ông là thợ cơ khí cũ của đề pô Dĩ An. Sau đó ông được điều lên công trường chế tạo vũ khí tỉnh Thủ Dầu Một ở chiến khu Dương Minh Châu. Tháng 4-1967 ông hi sinh trong trận càn Gianxơn Xiti (Junction City) ở cầu Xéo ấp Đường Long xã Long Xuyên).

Làn so1ngg bắt bớ khủng bố của địch ở Bửu Hòa gây tâm trạng hoang mang lo lắng cho đồng bào, số cơ sở và đảng viên còn lại. Họ không biết sẽ bị bắt lúc nào, gặp nhau ngoài đường không dám chào hỏi nhau vì sợ bị tình nghi, đừng nói tới chuyện thăm viếng động viên nhau. Ngay số cán bộ, đảng viên chưa bị bắt cũng nghi nhau, người nọ sợ người kia phản "gài bẫy". Huyện ủy Vĩnh Cửu trước có 17 ủy viên nay chỉ còn 5: Năm trang, Ba Cù, Sáu phong, Chín Tỏ, Tư Thanh. Hẹn gặp nhau để sinh hoạt bàn công tác, mỗi người đều cảnh giác, quan sát kĩ nơi hẹn thấy không có gì đáng nghi mới dám vào gặp nhau. Cán bộ cỡ Ba Chánh còn đầu hàng phản bội thì biết tin ai bây giờ ? Có gia đình cho y ăn vài bữa cũng bị y khai, bị tù; cho nên nhiều nhà ngán gặp cán bộ ta. Vì chưa hiểu rõ, họ sua đuổi anh em vì coi anh em là nguồn gốc gây tai họa đổ vỡ cho gia đình họ. Một đêm, anh Tư Thanh đến gia đình chị Đ. – chồng bị bắt – để động viên thăm hỏi và đưa tiền thuốc của huyện ủy giúp. Cửa vừa mở, anh chưa kịp nói gì thì người con trai lớn mắng sa sả:

- Chú là đứa khốn nạn, vì mấy chú mà ba tôi bị lính bắt, chú đến để hại cả gia đình tôi nữa sao ?

Không tiện nán lại để giải thích phải trái, anh đành lặng lẽ ra đi với tâm trạng sót sa vì bị gia đình họ ngộ nhận.

Một lần khác, cô Tí – vợ Ba Nhiều – đi kiếm con heo lạc. Cô ta lùng sục khắp nơi, dòm vào một bụi rậm thấy có bóng người, bèn chạy về. Bà Tư Công gặp cô này dáng vẻ bươn bả bèn hỏi thì được trả lời thấy có kẻ lạ mặt trong bụi định về báo dân vệ đến bắt. Bà Tư ra cho anh Tư Thanh hay. Anh hóa trang thành người vác cuốc thăm ruộng, đi khỏi chỗ đó ít phút thì cảnh sát và dân vệ tới. Không tìm thấy hầm và dấu vết đáng nghi nào, cho là cô Tí nói dối, có tên định đánh.

Bọn biệt kích, gián điệp lùng sục đêm ngày. Chúng giả dạng đi mua ve chai, lông vịt, đi câu, bắt cá…hòng phát hiện số cán bộ còn lại. Hội đồng xã bị cấp trên thúc ép, đã họp các trưởng ấp, trưởng liên gia hăm dọa số gia đình có người bị bắt và những gia đình tình nghi bằng luật 10/59 và máy chém. Tám Thơm là tên xấu cũng nhảy ra khống chế quần chúng.

Tên Hai Quế (Đỗ Văn Quế) đã dẫn công an Diệm chặn bắt ông Năm Hỉ (Nguyễn Văn Hỉ) ở bến đò An Hảo, chỉ đường cho lính bắt ông Sáu Ngà (ơ Tân Bản), Năm Phúc và Ban (ở Tân Bình)Mấy người này bị tra tấn tàn nhẫn rồi bị đày đi Phú Lợi. (Năm 1964 cha con Hai Quế lên bàu Khai ấp Kiến An xã Thanh An (h.Bến Cát) làm nghề sửa đồng hồ. Y tìm cách chui vào đoàn 83 hậu cần nhưng đồng chí Võ Hà Thành (nghỉ hưu ở Bửu Hòa) cho biết đồng chí nghe đồng bào rỉ tai: cha con anh thợ sửa đồng hồ là gián điệp. Do đó đồng chí yêu cầu cán bộ , chiến sĩ trong đơn vị không la cà ở vùng bàu Khai, Kiến An). Hai Quế bị pháo địch bắn chết. Con trai là Quang bị tình nghi, chính quyền xã Thanh An bắt giữ. Y trốn thoát, chạy về Biên Hòa đi lính ngụy).

Địch không tách được dân xóm Gò với cách mạng nên chúng phải dùng biện pháp cuối cùng: dùng vũ lực xúc tát 18 gia đình ở đây ra ven quốc lộ 1 và hầm đá: bà Hai Kiệm, bà Hai Mi, cô Ba Bê, chị Ba Tại, chị Ba Thậm, ông Sáu Cửu, ông Chín Phụng, ông Tư Tròn, ông Ba Thiện, ông Tư Sang, ông Tư Ổi, ông Ba Trung, anh Tám Chí, anh Tư bàng, anh Năm Thắng, anh Đờn, ông Năm Cà. Bà con đấu tranh một thời gian dài không chịu đi. Chúng bắt bà con các ấp khác mang xe bò đến giỡ nhà, chở đồ đạc đi dưới họng súng và lưỡi lê; trong khi một tốp đồng bào khác chặt trắng cây cối trong xóm.

Trong lúc một số cơ sở ngán ngại cán bộ lui tới thì nhiều cơ sở vẫn gắn bó với cách mạng. Qua xáo động nhất thời, bà con lại giang tay đón nhận nuôi giấu, tiếp tế. Đồng chí Ba Cù bị bật khỏi Hiệp Hòa, về bám trụ Hóa An, Bửu Hòa. Ông Sáu Hỉ (Đoàn Văn Hỉ) nuôi ăn, cho gạo tiền và một lần lính bất ngờ ập vào xóm, ông tìm cách che giấu an toàn. Có lần anh Tư Thanh nằm ở nghĩa địa Tân Bản dứt liên lạc với cơ sở, địch đóng quân phục kích bắt bọn cắt trộm dây điện gần cầu Hang. Trời mưa, ban đêm anh lẻn vào chùa Tân Bản ngủ, mờ sáng lại tìm nơ ẩn nấp mới. Mấy ngày liền không có hạt cơm dằn bụng, anh đói nhũn chân tay. Thấy ông Sáu Hỉ vác cuốc, dẫn một con chó đi thăm ruộng, anh liều chọi một hòn đất. Ông Sáu thấy, lại gần, hỏi vài câu rồi nói:

Việc gì để đó, tao trở lại mày nói sau.

Ông quay về nhà. Nhà ông có vài tên lính đóng, đứa ngủ đứa đi chơi. Ông vắt một vắt cơm để trong búi tóc – ông để tóc dài – vấn khăn rằn ra ngoài. Tay ông cầm một đùm lá chuối gói cá kho. Gặp Tư Thanh, ông và anh trao đổi qui định đưa cơm, đặt hộp thư chết ở góc ruộng để ông cung cấp tin tức hằng ngày…Bữa sau ông mang cơm và tin ra, không gặp anh đâu. Anh lánh đi nơi khác, quan sát kĩ để tránh "bẫy", hàng giờ sau không thấy gì khác lạ mới ra nhận. Qua ông Sáu Hỉ, anh Tư Thanh móc được anh Năm Đạo – con ông Tư Trong – anh này giả đi lùa bò ăn cỏ, mang cơm đặt ở bụi cây gần đường rầy xe lửa. Anh Tư giáo dục anh Năm Đạo thành cơ sở liên lạc. Bà Hai Mè và bà Tư Công được móc nối cũng thường giả cách đi giặt để mang cơm cho anh. Có lần nghe tin cán bộ bị bắt, hai bà giả đi hốt phân, xắn ngang đội hình địch để coi đó là ai, khi biết đó là tin đồn thổi, các bà mới an tâm về nhà.

Anh Tư Thanh bám xóm Gò, ven rạch Thủ Huồng, tới xóm đình Tân Phú, xóm Trâng Tranh, xóm lò gạch Phước Mai, chùa Long Thiền…Anh nhờ móc số cơ sở còn lại, nhất là cơ sở Tân Phú: ông Tư Chữ, ông Hai Hiểu, Hai Oai, Hai Rầy, Ba Dạng, chị Năm Niên…Qua số này, anh móc và phục hồi một số cơ sở Tân Vạn là các anh Cưng, anh Bông. Qua đợt căng thẳng, tình hình lắng dịu dần. Anh lại tiếp tục đi công tác. Anh hóa trang làm thợ, người đi buôn, viên chức nhỏ…nhờ số nòng cốt đi trước dò đường. Có lần địch xét trong xóm, anh giả làm người đi làm công quả trong chùa Long Thiền trộn lẫn vào số người làm công quả tại đó. Ông Bảy cho trưởng ấp Tân Bình – là bà con, cùng các cơ sở: Tư Đắc, Hai Quí, Đực Nhan, bà Bảy Bò, bà Tư

Bông liên tục thay nhau nuôi giấu anh. Nhà ông Bảy Thiệt có trang thờ Phật, khi lính xét nhà, đã cho anh trèo lên trốn. Bà Bảy Thiệt buôn gánh bán bưng kiếm sống hàng ngày, chú ý lắng nghe tin tức về báo cho anh biết. Xóm cây dừa toàn người quen biết, giữ bí mật rất tốt, cả xóm hình thành một lõm chính trị che chở can bộ ta hoạt động vào thời điểm khó khăn gay go này. Các cơ sở ngoài việc nuôi giấu còn sâu rễ vào người quen, người cùng xóm đáng tin cậy để tuyên truyền vận động tham gia đấu tranh: thanh niên thì chống quân dịch, nông dân và người buôn bán thì chống thuế, chống đi xâu, các gia đình chống học tố cộng…Huyện giao truyền đơn, khẩu hiệu về, các cơ sở đem rải ở nơi đông người qua lại. Anh Tư Thanh viết thư cho hội đồng xã kêu gọi họ không được gây tội ác chống nhân dân. Nếu không họ sẽ bị trừng trị như tên Ảnh – thám báo công an Biên Hòa cư ngụ tại Hóa An – bị cách mạng diệt tại nhà, kêu gọi họ tốt nhất là bỏ việc, nếu không bỏ việc thì phải ủng hộ các gia đình có người bị bắt.

Theo chỉ đạo của tỉnh ủy Biên Hòa, anh tư Thanh gặp một số gia đình có người bị tù: bà Tới (vợ ông Tư Ổi), bà Chờ (vợ ông Tư Trong), bà Hai Kiệm (cháu bà Hai Mi). Ba bà mặc quần áo rách rưới, tới cửa khám Chí Hòa trà trộn với người thăm nuôi, khóc lóc lên án nhà cầm quyền tàn ác bắt bớ trả thù người kháng chiến cũ. Một bà ăn mặc sang trọng dừng xe gắn máy hỏi chuyện rồi phát biểu "Chế độ tàn ác !"

Anh Sáu Tốt gửi anh Hai Oai chiếc xe đạp trước khi bị bắt. Bảy năm sau anh ra tù, anh Hai Oai trả lại chiếc xe nguyên vẹn.

Cuối tháng 12-1959 địch xử vụ án Ngô Bá Cao tại thị xã Biên Hòa. Hơn một chục bà con cơ sở Bửu Hòa đi dự, chứng kiến các đồng chí ta tỏ rỏ khí phách lẫm liệt của người cộng sản trước kẻ thù. Các anh biến tòa án địch thành diễn đàn công khai lên án đế quốc Mĩ xâm lược, tuyên truyền cho cách mạng và không lộ ra một cơ sở nào. Với niềm cảm phục sâu sắc, bà con Bửu Hòa càng tin tưởng vào Đảng, vào đội ngũ cán bộ đảng viên kiên cường.

Tên trưởng ti cảnh sát Biên Hòa bị cách chức vì đã để cho một Việt cộng cao cấp hoạt động tại Bửu Hòa – một vùng mà địch đánh giá là vùng an ninh tuyệt đối của chúng.

Đầu năm 1960 anh Tư Thanh về học nghị quyết 15. Nghị quyết này đánh dấu bước chuyển biến mới của cách mạng miền nam. Từ nay ta dùng lực lượng chính trị của đông đảo quần chúng kết hợp lực lượng vũ trang để đánh đổ xâm lược Mĩ và bọn tay sai. Cán bộ và quần

chúng hết sức vui mừng khi được cởi trói, có lí gì giặc dùng súng đạn đánh ta, ta cũng có vũ khí mà không được phép đánh lại chúng ? Học xong, cán bộ huyện ủy Vĩnh Cửu về tập trung ở Tân Hạnh, Hóa An, Bình Trị. Để gỡ thế kềm kẹp của giặc, tiến hành vũ trang tuyên truyền phát động quần chúng vùng lên, ta chủ trương diệt một số ác ôn. Mở đầu, tại Bình Trị, ta diệt xã trưởng Phiên. Tại tân Hiệp, ta diệt tên Báo – một mật thám lợi hại – Tại tân Hạnh, Hóa An nhờ sự giúp đỡ tích cực của đồng bào, ta bắt số chỉ điểm mật báo ra nhận tội trước cuộc mít tinh. Gia đình bọn này bảo lãnh cam kết không để thân nhân làm tay sai chống cách mạng. Uy thế địch giảm sút hẳn, uy thế cách mạng lên rất cao, niềm tin vào cán bộ trở lại vững chắc. Số hội đồng xã Bửu Hòa bị thối động trước phong trào diệt ác phá kềm ở quanh đó.

Để ngăn chặn cán bộ ta về hoạt động, thỉnh thoảng địch phục kích các nẻo đường. Đêm 30-4-1960 một trung đội công an Biên Hòa rải quân phục kích đoạn đường đắp cũ gần cầu Hang. Vào đầu mùa mưa, đêm đó sấm chớp đùng đùng ở hướng trời đông bắc. Anh Tư Thanh từ Hóa An về Bửu Hòa công tác, vừa đặt chân lên đường đắp, lọt ngay vào ổ phục kích. Chúng hô: “Hàng thì sống, chống thì chết”. Hai họng súng chĩa vào, trong khi anh chỉ có con dao găm. Theo phản xạ tự nhiên, anh quay lưng chạy. Hai loạt đoạn đuổi theo réo quanh người anh. Rồi bọn lính bắt dân chòi canh nhà vào nhà anh Bảy Xít mượn đèn măng sông soi tìm vết máu. Anh Tư Thanh vô sự.

Cuối năm 1961 tỉnh ủy Thủ Biên nhập xã Bửu Hòa và một số xã khác vào huyện Lái Thiêu. Anh Tư Thanh rút về huyện ủy, đã giúp số cán bộ huyện và liên xã móc nối với số cơ sở Hóa An, Bửu Hòa, Tân Vạn. Đội công tác do chị Mười Sen chỉ đạo, có thêm các anh: Hiếu, Hưng… và đội du kích liên xã gồm: Năm Thân, Hai Kiết, Bảy Việt, Lan, Hùng, Dũng… Chị Mười Sen nhiều lần gửi thư cho hội đồng xã Bửu Hòa: đại diện Nghiêm, xã trưởng Bảy Kí, hộ tịch Nàm kêu gọi họ bỏ về làm ăn theo chủ trương của Mặt trận dân tộc giải phóng miền nam.

Qua tin tức của cơ sở, ta nắm được đại diện Nghiêm “bắt bồ” với vợ một sĩ quan ngụy ở Tân Bản, thường lui tới nhà chị. Đêm 7-9-1961, anh Út Hiếu dẫn một tổ du kích mật đón bắt Nghiêm trên đường tới nhà “bồ” để giáo dục. Nhưng y giỏi võ, đánh ngã một du kích nên anh em buộc lòng xử lí tại chỗ. Tuy có bản án gài ngực a1oy, song cơ sở ta phao tin đây là vụ hạ sát

nhau vì ghen tuông để đánh lạc hướng địch. Hộ tịch Nàm (Lâm Hữu Gia, chủ nhà máy xay xát người Hoa) lên thay chân đại diện xã. Ông xã Kí ít lâu sau xin thôi chức xã trưởng.

Nhà giáo Trần Văn Quan (Trần Tuấn Đạo) sinh năm 1917 tại làng Mĩ Khánh Bu3u Hòa, là anh em họ với Trần Văn Ơn. Tốt nghiệp thành chung và sư phạm, ông được bổ dạy học ở Vũng Tàu năm 1973. Vừa dạy học ông vừa tự học đến hết tú tài. Tham gia hoạt động hướng đạo, ông làm huynh trưởng. Năm 1941 ông được cử đi học trường huấn luyện viên thể dục thể thao Phan Thiết. Học xong, ông lại về dạy học kiêm huấn luyện viên thể dục. Thị trưởng Vũng Tàu Ruger đề nghị ông làm huấn luyện viên chuyên nghiệp cho câu lạc bộ thì được ưu đãi hơn. Ông từ chối vì nhận lời y "thì chỉ làm tôi mọi hoàn toàn cho Pháp mà thôi". Làm thầy giáo, dẫu sao còn có ia1ch một phần cho đất nước, qua việc kín đáo giáo dục lòng yêu nước cho lớp trẻ.

Cách mạng tháng 8-1945 thành công, ông tham gia một lớp chính trị ngắn hạn ở Trảng Bom. Thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta một lần nữa, ông tham gia bãi công bất hợp tác với Pháp, rồi móc nối xuống khu 9 tham gia kháng chiến. Ông dạy tại các trường trung học bình dân Huỳnh Phan Hộ, Nguyễn Công Mĩ và làm công tác tu thư ở sở giáo dục Nam Bộ. Đầu năm 1954 ông được cử làm hiệu trưởng trường trung học bình dân Huỳnh Phan Hộ.

Sau hiệp định Genève ông không đi tập kết, được Đảng bố trí về Sài Gòn hoạt động bí mật. Để tạo vỏ bọc và tạo điều kiện sinh sống cho ông, đồng chí Huỳnh Tấn Phát gửi ông dạy kèm cho con cái gia đình cơ sở là ông Nguyễn Đức Anh và bà Hàn Thị Quế. Ông còn dạy tư thêm ở trường Michelet.

Sáng 26-7-1961 trên đường công tác, ông đi xe đạp, dây thun đứt, làm rơi một bọc truyền đơn gần khu cư xá Lữ Gia. Bọn cảnh sát rượt bắt, ông vừa kịp đánh động cho một cơ sở biết.

Tại bót Ngô Quyền, ông khai tên Trần Xuân Độ, làm ruộng ở Rạch Giá lên Sài Gòn kiếm ăn. Có người thuê tiền ông chở bó giấy – không biết giấy gì – tới đầu trường đua Phú Thọ có người đón sẵn…Cảnh sát bắt, ông mới biết là truyền đơn Việt cộng. Bà Đức Anh định lo lót cho ông ra. Hỏi ý kiến các đồng chí Huỳnh Tấn Phát và Tạ Bá Tòng thì các đồng chí nói không cần chạy chọt cho nó nghi thêm, với tội danh mang truyền đơn thì tù một, hai năm cũng nhanh thôi. Chúng giải ông qua tổng nha cảnh sát. Bọn điều tra có kinh nghiệm, dòm vó người và xem kĩ chân tay thì không có vẻ gì là dân ruộng. Chúng bắt ông viết tờ khai. Nhìn chữ viết cứng, chúng

khẳng định ông khai không đúng sự thật. Qua nhiều trận đòn dã man đủ kiểu, chúng không thu được lời khai nào làm lộ bí mật của cách mạng. Các đồng chí trong tổ chức trí vận Sài Gòn-Chợ Lớn lúc đầu lo lắng sợ bể bạc, nhưng sau tin tức trong tù đưa ra làm các đồng chí an tâm. Đồng chí Thái, một giáo viên truyền bá quốc ngữ cùng bị giam với ông, khi được tha về đã xác nhận: ông Trần Văn Quan giữ được khí tiết kiên cường.

Sáng 20-9-1961 tại sân nhà tù, bọn địch trải cờ búa liềm xuống đất, bắt ông dẫm lên mà đi qua. Ông nói lá cờ là vật thiêng liêng, tôi không thể xéo lên. Chúng bắt ông hô khẩu hiệu hoan hô Ngô Đìng Diệm, đã đảo lãnh tụ ta. Ộng dũng cảm hô to "Đả đảo Ngô Đình Diệm! Hồ Chủ Tịch muôn năm!"

Không khuất phục được ông, đêm đó chúng đem ông đi thủ tiêu mất tích. Nhà giáo cộng sản Trần Văn Quan không còn nữa nhưng tinh thần yêu nước kiên cường, chí khí bất khuất lẫm liệt của ông sống mãi trong lòng đồng chí , đồng bào. Liệt sĩ Trần Văn Quan là tấm gương sáng trọn đời trung với nước, với dân.

Cuối năm 1961 anh Hai Sớt mãn hạn quân dịch, lại về Bửu Hòa sinh sống. Qua chị Mười Sen, anh móc nối được với anh Tư Thanh.

Tháng 12-1961 anh Tư gởi thư về kêu anh lên rừng xóm Bánh Phồng Lái Thiêu. Sau đồng khởi, đây là vùng ta làm chủ. Anh Hai Sớt giao nhiệm vụ vận động số bà con quê Bình Trị, Tân Đông Hiệp hiện cư ngụ Bửu Hòa lên đó dự lễ ra mắt của Mặt Trận dân tộc giải phóng huyện Lái Thiêu. Ít bữa sau, vào một buổi chiều, anh dẫn khoảng hai chục người đi bộ lên đồng Bà Nghè. Từ đây, giao liên rước đi tiếp. Được dự mít tinh và liên hoan, mọi người như được sống lại những ngày Cách Mạng tháng 8 hào hùng năm xưa. Ai cũng vui vì tận mắt thấy anh em bộ đội giải phóng trẻ, khỏe, súng đạn đầy đủ, dám đánh Mĩ Diệm và vừa thắng một số trận trong vùng. Hết rồi, cái thời bọn thanh niên cộng hòa, thanh niên chiến đấu hoặc dân vệ săn đuổi cán bộ ta chạy có cờ, súng đeo lưng quần mà không được bắn trả bọn chúng. Xem triển lãm, bà con được thấy ảnh Bác Hồ, được thấy những hình ảnh xây dựng miền bắc, thấy những tấm gương anh hùng dũng cảm, …Bà con Bửu Hòa tin tưởng cách mạng giải phóng miền nam sẽ thắng, đất nước nhất định thống nhất. Bà con vui hết sức, cho bộ đội tiền. Khi về, số này là nòng cốt vận động người quen gửi quà bánh lên căn cứ ủng hộ bộ đội, cán bộ ta ăn tết.

Cuối năm 1961, nhờ một cơ sở Bửu Hòa điều tra, theo dõi báo cáo tình hình, đồng chí Út Hiếu chỉ huy đội vũ trang liên xã Bửu Hòa - Hóa An gồm: Lan, Năm Hiền, Sáu Hoa…đột nhập rạp Phước Chung. Tại đây thường có một tên dân vệ gác bảo vệ trật tự cho rạp. Ta bố trí một tổ gác ngoài đường, một tổ khống chế tên gác và máy đèn. Một tổ vào trong rạp, kêu gọi nhân dân vùng lên đồng khởi ủng hộ cách mạng, chống Mĩ Diệm. Sau đó anh em phân phát truyền đơn, dán khẩu hiệu ở tường rạp rồi tất cả rút lui an toàn. Cuộc tuyên truyền vũ trang làm số hội đồng xã và dân vệ lo lắng hoảng sợ như làm bà con tin tưởng, kính phục, phấn khởi.

Chiến lược chiến tranh một phía của Mĩ Diệm – còn gọi là chiến lược chiến tranh cảnh sát – thất bại vì cuộc đồng khởi của nhân dân miền nam. Chúng chuyển sang thực hiện chiến lược "chiến tranh đặc biệt". Kế hoạch Staley – Taylor ra đời với tham vọng bình định toàn miền nam trong vòng 18 tháng. Cái "xương sống" của kế hoạch này là "quốc sách ấp chiến lược". Thực chất của quốc sách là rào làng gom dân để kìm kẹp, ngăn cách nhân dân với cán bộ, thi hành thủ đoạn "tát nước bắt cá".

Bửu Hòa là vùng địch từ lâu. Quanh xã có nhiều tua và bót gác nhưng theo lịnh của tỉnh và quận, hội đồng xã vẫn rào ấp chiến lược. Cảnh sát Trần Tư và số bảo an, dân vệ ngày ngày đôn đốc dân đào hào đắp lũy, rãi chông, rào dây kẽm gai từ cây mã tiền (đầm thủy sản Tân Vạn bây giờ) thẳng lên nhà đèn, theo đường xe lửa bọc vòng qua đầu Tân Bản, dọc đường đắp cũ. Chúng phân mỗi gia đình đào một đoạn hào, dất hất lên đắp lũy, lòng hào và bờ lũy cắm chông tre (do dân góp), bên ngoài đóng cọc sắt, rào dây kẽm gai do Mĩ viện trợ. Ai không đi làm và nộp chông thì đóng tiền, số tiền này chui vào túi hội đồng và cảnh sát. Bắt đầu khởi công tháng 12-1961 thì tháng 5-1962 ấp chiến lược làm xong. Không cam chịu cảnh cá chậu chim lồng, tự mình bỏ tù mình, nhiều bà con Bửu Hòa tự động phá rào gỡ bỏ chông ngay khi đang làm, để có lối ra ruộng thuận tiện mà cày cấy trồng tỉa. Ấp chiến lược Bửu Hòa chỉ có hình thức, bà con vô hiệu hóa nó ngay lúc đang làm nên "cá và nước" vẫn là một khối thống nhất không gì chia cắt.

Bằng đường công khai, cán bộ Lái Thiêu vẫn về Bửu Hòa móc nối với cơ sở xây dựng cơ sở. Bà Hai Đứng (Võ Thị Đứng) – vợ đồng chí Hai Xã (Phê), huyện ủy viên Lái Thiêu – được căn cứ móc về. Bà đi làm ruộng cùng cùng vợ anh Hai Hưng ở Bình Trị đã mang đồ tiếp tế, đưa thư cho chị Mười Sen ở hóc Me rừng Bình Trị, Tân Phước…và mang thư của các anh Tư Thời,

Chín Hoà, Hai Vò…gửi về cơ sở Bửu Hòa. Qua công tác giao liên, tiếp tế, bà Hai Đứng được kết nạp Đảng năm 1963 tại đình Tân Phú (đình Trương Định bây giờ). Cô Bùi Thị Chựng – con gái lớn của bà – tham gia du kích mật, đội lúc đi giao liên hợp pháp xuống Tân Vạn.

Chị Mười Sen móc nối với bà Bảy Đen (Dỗ Thị Bảy) qua người chị dâu Đỗ Thị Trọng. Ngoài nhiệm vụ cơ sở nuôi chứa cán bộ, bà Bảy còn đi giao liên hợp pháp theo đường công khai. Thư, công văn thuốc và tiền đóng góp từ Bửu Hòa gửi đi Lái Thiêu được bà Bảy cho vào giỏ xách, trên phủ quần áo trẻ con, tả lót…Mỗi lần đi công tác, bà đền bồng con nhỏ theo, tuy cực nhưng đó là lá chắn tốt, lính và cảnh sát chưa bao giờ lục soát giỏ đồ của người phụ nữ ngoài bốn mươi tuổi tay ẫm con, tay xách giỏ lếch thếch. Công văn và truyền đơn từ đó chuyển về xã, bà cũng làm như vậy. Tính ra bà đã làm vài chục chuyến giao liên tuyệt đối an toàn. Qua thử thách công tác, bà Bảy được kết nạp Đảng tháng 9-1963 (các chị Mười Sen và Năm Lan giới thiệ). Hai đảng viên Hai Đứng và Bảy Đen sinh hoạt đơn tuyến.

Anh Mười Sa ra tù tháng 4-1961. Một năm sau, anh đang thả trâu ở bưng ông Quế thì lính quận Dĩ An bao bắt đi quân dịch. Sauk hi được hấn luyện ơ trung tâm 3, toàn bộ tân binh khóa đó bị đưa xuống hết miền tây. Đoàn xe chở lính đến ngã ba Trung Lương (Mĩ Tho) thì lính quân dịch đánh số quân cảnh đi áp tải rồi bỏ chạy tứ tán. Anh Mười Sa được cán bộ địa phương đó đón tiếp, sau có giao liên đưa đi đường vòng lên Tây Ninh, qua nhiều trạm, hơn một tháng sau mới về tới Bửu Hòa .

Gữa tháng 12-1962, chị Mười Sen yêu cầu anh Hai Sớt đi thoát li. Anh vận động Lê Văn Rồi (con bà Hai Mi, bà đang ở tù) cùng đi. Hai người lên căn cứ ở lõm rừng Tân Hiệp. Huyện ủy Lái Thiêu họp. Các đồng chí Ba Cù, Ba Già, Tư Thanh, Năm Lan, Mười Sen nghiên cứu và quyết định: Hai Sớt mà đi thoát li thì địa phương không còn nòng cốt, không còng người nắm vững địa bàn hoạt động giúp cán bộ trên về hoạt động. Vậy để Hai Sớt ở lại hoạt động, sống hợp pháp. Anh Hai Sớt và Rồi về nằm tại lõm rừng Bình Trị một tuần, cùng tham gia phá ấp chiến lược Hóa An với lực lượng của anh Năm Thân.

Bốn giờ chiều 21-12-1962 các anh từ căn cứ Bình Trị ra đi. Anh Năm Thân vào ấp vận động bà con ra gỡ dây kẽm gai, bẻ trụ sắt. Chị Hai Có hăng hái vác rựa chặt dây kẽm gai. Nhóm anh hai Sớt, Hùng, Dũng gỡ lựu đạn gài trước khi phá rào. Mỗi người gỡ được hai trái, khi anh

Hùng gỡ trái thứ ba thì lựu đạn nổ. Anh hi sinh. Bà con bỏ chạy. Dân vệ Hóa An kéo vào bắn như vãi đạn. Anh Hai Sớt vác xác anh Hùng vào hóc Ông Che, lấy võng cuốn rồi cùng anh em khiên về gò Xoài. Các anh báo ngay cho cha và vợ Hùng biết, chôn cất ngay đêm đó.

Cuối năm 1962, anh Chín Hùng (Phạm Văn Kì)người Hiệp Hòa đi thoát li, tham gia cánh CZ.2 thị xã Biên Hòa. Vì anh chưa lộ, anh Tư Răng trưởng cánh CZ.2, yêu cầu anh trở về sống hợp pháp xây dựng cơ sở. Đồng chí chỉ đạo anh bám Bửu Hòa, lấy vợ để có vỏ bọc, từ đó vươn về cù lao. Anh lấy chị Lê Thị Gái (con ông Lê Văn Đực) nhưng ít sống cùng vợ ở hẻm chùa Thanh Lương Tân Mĩ. Anh ít đi công khai ngoài đường vì đã bị tù từ năm 1959 đến năm 1961. Đứng chân tại Bửu Hòa, anh móc nối với anh Tư Nhị – bí thư xã Hóa An – để lên căn cứ Có Mi thuận tiện. Qua đó, anh có quan hệ với một số dân Hóa An: anh Tư Ương – thợ hồ, Hai Tây (sau đầu hàng), ông Tư Minh và con là anh Tài thợ hồ – Anh Chín Hùng và Tài cùng đi làm, đói no có nhau (về sau anh Tài cũng thoát li). Qua nghề thợ hồ, anh làm quen với ông Năm đồng hồ (nguyễn Văn Hựu – huyện ủy viên ở Long An giạt lên đây), xây dựng được một tổ có thêm bà Mười Bẹ, vợ chồng ông Ông Văn Thiệu – quê miền Trung. Tổ này nhiều lần nuôi chứa cán bộ cánh CZ.2 như Chín Hùng, Mười Bụng, Ba Tùng, Năm Tuyền, bà Bảy Bê.

Anh Chín Hùng xây dựng được một nhóm cơ sở khác ở ấp Tân Mĩ là ông bà Năm Đảo, Hai Tây, Tám Ấn, Sáu Sang, Bảy Trong, Chín Hũu…tạo thành lõm chính trị liên hoàn. Nhóm này chuyên cung cấp tin tức cho anh. Một bữa anh đang ở nhà ông Hai Tây thì lính, cảnh sát, dân vệ bao vây xét sổ gia đình cả xóm. Trong lúc khẩn cấp, anh lánh vào buồng người con gái lớn của ông vừa sinh cháu ngoại đầu lòng. Cjồng chị là sĩ quan nên chúng không lục soát nhà, nhờ vậy anh Chín an toàn.

Đồng chí Tư Răng chỉ đạo anh móc nối với ông Hai Sương. Khi gặp, vừa nghe trình bày xong, ông nói luôn:

- Tao không nhận tụi bay, làm lớn cỡ Ba Chánh còn phản, mai mốt mày chỉ bắt tao thì sao ?

- Bác không nhận, cháu không còn đường đi.

Khi anh quay ra, ông đi theo một quãng ngắn.

Tháng 7-1964, do quen biết, anh Chín Hùng móc nối với anh Hai Sớt và Ba Cóc. Các anh đào hầm bí mật trong nhà anh Hai Sớt khá đơn giản bằng cách chôn hai thùng phuy ngập đến miệng, đậy bằng nắp ván. Hầm nhà anh ba Cóc tốt hơn, cửa hầm ở tong buồng, hầm nằm dưới nền bếp, lỗ thong hơi ăn lên cột chôn sát vách, hầm có thể chứa vài người ở suốt ngày không sợ ngộp. Rồi các anh đào một hầm bí mật lớn chứa khoảng một tiểu đội ở chân lò gạch cổ sát rạch Bà Lồ. Hần này ở giữa đồng trống nhưng có cái thế bất ngờ, địch khó có thể tưởng tượng chúng ta dám đào hầm giấu quân không xa các tua của chúng. Anh em từng ém nhiều lần, tối bung ra hoạt động. (Do tình cờ, một con trâu của dân Hóa An dẫm sụp cửa hầm, sau đó ông Tư Sơi đào tấm đan và lấp cửa hầm).

Để phát triển cơ sở , anh Chín Hùng hỏi anh Ba Cóc:

- Ở đây anh có quen gia đình nào chạy xe lam hoặc có con đi lính ?

Anh Ba Cóc vận động anh tới gặp ông Chín Xưng – có con đi lính. Hai lần thuyết phục cho các anh đào hầm trong nhà, ch con ông đều từ chối.

Bữa sau, anh ba Cóc mời anh Mười Sa. Tuy gia đình anh là cơ sở cánh Lái Thiêu, anh vẫn đồng ý quan hệ với cánh CZ.2 thị xã Biên Hòa. Anh Mười Sa về nói với cha, bây giờ ông Hai Sương mới tiếp Chín Hùng. Ông cho đào hầm trong nhà, song có một khó khăn: mẹ vợ anh Mười Sa bị bệnh tâm thần từ lâu, các anh chỉ lo khi bị lính xét hỏi bà vô tình để lộ thì bể hết. Ông Hai Sương, vợ chồng anh Mười Sa bàn giải pháp: nếu có gì sẽ đưa bà đi nhà thương điên Biên Hòa (nhưng may mà chưa bao giờ phải thực hiện giải pháp này). Bốn anh Mười Sa, Năm Tuyền, Chín Hùng, Mười Bụng lén đào hầm bí mật trong buồng vợ chồng anh Mười Sa vào ban đêm, khi cả nhà ngủ say. Hầm rộng 1m x 2m có thể chứa 6 người. Một số anh trong cánh CZ.2 thỉnh thoảng từ Khánh Vân qua đây ở một vài bữa rồi đột về cù lao Phố.

Cùng thời gian này, bà Hai Đứng cũng được chỉ đạo làm hầm bằng một cái Lái Thiêu lớn chôn ngầm và một bồ lúa hai đáy để cán bộ có nơi ẩn trú lúc khẩn cấp. Ông Ba Chi đào hầm ở bụi tre gần nhà, lúc gấp quá thì giấu anh em lên cái khu đĩ hai ngăn (khu đĩ: đầu hồi hình tam giác). Hầm nhà Ba Nhiều giành cho chị Năm Lan. Nhà bà Năm Chiếu lấy trần nhà làm chỗ trú ẩn tạm cho anh em. Ông Đuổi ở Tân Bình đóng đi văng hai đáy, bít ba phía, phía giáp vách để trống lấy chỗ chui vào. Các năm 1963-1964 ở Bửu Hòa đã có nhiều kiểu hầm bí mật, điều đó

chứng tỏ tinh thần yêu nước của bà con địa phương rất nồng nàn đã sáng tạo phong phú cách bảo vệ cán bộ có hiệu quả.

Ông Lâm Kinh – người Hoa – mua lại căn phố của ông bang Kiết, mở Lâm Kinh trà gia (tiệm trà Lâm Kinh). Ông mướn anh Chín Hùng (làm hồ)sửa lại cửa tiệm. Làm được vài bữa, anh xin ngủ lại, vin cớ nhà xa. Anh thấy ông vặn nghe radio Bắc Kinh, hết buổi tiếng Trung Quốc đến buổi tiếng Việt. Lúc này, Trung Quốc đang nhiệt tình ủng hộ Mặt trận dân tộc giải phóng miền nam. Qua một số lần trò chuyện thăm dò, ông biết anh là cán bộ hoạt động bí mật thì tin và thích. Anh về báo cáo với lãnh đạo thị ủy Biên Hòa. Anh chuyển lời kêu gọi của Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh Biên Hòa cho ông. Cô Sửu – con gái ông – dịch ra tiếng Trung Quốc cho ông nghe. Anh đưa tờ Mặt trận cho ông. Ông ủng hộ tiền bạc và lấy giấy biên nhận. Anh dùng tiệm trà Lâm Kinh làm nơi móc người từ Hiệp Hòa qua đây sinh hoạt. Hẹn thời gian gặp gỡ, như những người khách đến ăn uống bình thường, hai người vờ "ra nhà cầu" phía sau trao đổi ngắn, rồi chia tay ngay. Ông Lâm Kinh giới thiệu anh Chín Hùng với ông Tiều – người Hoa, bán mì, ông này cũng ủng hộ cách mạng. Được trao đổi kĩ, ông Lâm Kinh dám chứa súng tháo rời của cánh CZ.2, cho vào giữa bao bắp, chở về Lâm Kinh trà gia. Ông chủ tiệm khuân bao bắp lên lầu, lấy súng ra cất đi. Đến tối, anh Chín Hùng mang về cù lao Phố ráp lại rồi giao cho cơ sở Sáu Mẫm giữ. Cây súng này mấy lần được dùng để diệt ác ở Hiệp Hòa. Ông Lâm Kinh được đưa vào rừng ở Tân Phước sinh hoạt, lúc về rất phấn khởi.

Ở Bửu Hòa, một người Hoa khác là ông Lí Cẩm cũng ủng hộ cách mạng. Ông Lí làm nghề mổ heo, thường đi nhiều nơi mua heo hơi. Tại Bình Trị, đồng chí Trung móc được ông. Ông ủng hộ gạo, tiền thuốc cho anh em trong căn cứ một thời gian dài. Địch phát hiện và gài bẫy. Một bữa, một viên cảnh sát đưa ông một hộp thuốc chống sốt rét (rất quí với anh em trong cứ). Ông đưa cho bà cà rem, tên này báo cảnh sát bắt. Ông bị tù, bị đòn mấy tháng. Khi được tha, về ông bị bệnh từ đó.

Năm 1963 hai anh Trần Văn Lâm và Trần Văn Kim – con bà Võ Thị Tám đang học trường Ngô Quyền. Được cán bộ Đoàn giáo dục hướng dẫn, anh Kim tham gia phong trào đấu tranh tại trường. Bọn công an chìm theo dõi, chụp được hình anh đang căn biểu ngữ chống nền giáo dục nô dịch phản động. Chúng về tận nhà tìm bắt. Bữa đó may anh đang đi vắng nên thoát.

Không thể tiếp tục học, không thể sống với gia đình, anh xin đi thoát li lúc mười lăm tuổi. Được chị Mười Sen giới thiệu, anh vào đơn vị bộ đội C.63 huyện Lái Thiêu và từ đó tham gia đánh nhiều trận.

Bọn bình định nông thôn viết nhiều khẩu hiệu nói xấu cách mạng, trong đó có câu:

Khoa lang vỏ đỏ lòng vàng

Ai theo Việt Cộng xóm làng xác xơ

Do chỉ đạo của cán bộ Đoàn học sinh, anh Kim in truyền đơn bằng bột tại nhà. Một trong các tờ rơi phản bác kẻ địch:

Ở đâu có ánh sao vàng

Nhân dân no ấm, xóm làng bình yên.

Anh Kim và em Quốc (sinh 1950) thường đi rải truyền đơn từ Tân Vạn lên ngã tư Chợ Đồn. Một đêm Quốc chở Xương bằng xe máy Goebel rải truyền đơn từ Tân Vạn lên. Địch phát hiện được, dùng xe Honda đuổi theo bắt sống. Quốc tắt đèn, rồ hết ga chạy, tới nhà thì tắt máy quặt ngay vào. Bọn địch đuổi theo tới hầm đá, mất hút, nói với nhau: Việt cộng ở đâu đây chớ không sai. Chúng lục soát, Quốc và Xương thót, được bữa hú hồn nhưng mà vui.

Tháng 10-1964 Quốc rải truyền đơn từ Tân Phú lên, bị nghĩa quân Tám Bá – cháu bà Tám – thấy mặt. Sợ ở lại bị bắt, em đi thoát li lúc 14 tuổi. Quốc làm giao liên cho du kích xã Tân Bình Khi địch ủi phá rừng Tân Bình để xóa căn cứ ta, tình hình rất găng. Đồng chí Chín Hòa (Nguyễn Văn Rê) là cán bộ huyện ủy Lái Thiêu nói:

- Bây giờ anh em tìm chỗ ở đỡ cho qua lúc khó khăn này, sau chúng ta sẽ móc nối lại…

Quốc về nhà, đi làm mướn phụ thợ hồ, xe gạch ngói…kiếm ăn.

Trên chiến trường tỉnh Biên Hòa, năm 1964 lực lượng vũ trang ta giáng cho địch nhiều đòn quyết liệt. Đêm 31-10 bộ đội giải phóng phối hợp với lực lượng các địa phương huyện Vĩnh Cửu và thị xã Biên Hòa đã pháo kích sân bay chiến lược này trận đầu, phá hủy 59 máy bay các loại, diệt gần 300 địch. Chiến lược chiến tranh đặc biệt phá sản từng bước. Ngụy quân, ngụy quyền suy yếu rệu rã nghiêm trọng. Góp phần đánh thối động vùng sâu và lấy súng trang bị cho du kích mật, đơn vị C.63 Lái Thiêu tổ chức tập kích trụ sở hội đồng xã Bửu Hòa. Anh Năm Ca – huyện đội phó – cùng anh Hai Kiết – xã đội trưởng Hóa An – và Bé – con ông xã rèn

– tổ chức điều nghiên kĩ, đồng thời nắm tin của cơ sở Bửu Hòa cung cấp. Sẩm tối, trụ sở thường chỉ có một, hai tên dân vệ gác, số còn lại đi chơi tứ tán, đêm mới về ngủ. Tại tua gần cổng xe lửa có một tiểu đội quân cảnh, nhưng việc canh gác của chúng cũng lơ là vì Bửu Hòa là nơi "an ninh tốt" kể từ sau hiệp định Geneve 1954 đến nay.

Bảy giờ tối 18-11-1964 ta chặn đón hai xe lam chở khách từ Bửu Hòa đi Dĩ An ở khúc qua cầu mời chủ xe và khách tạm vào một xóm gần đường. Có chiến sĩ gác số người này. Hai tiểu đội bộ đội hóa trang như lính Bảo An đi hai xe, một do anh Bé lái, xe kia do một anh bộ đội lái. Khoảng hơn bảy giờ xe đi đầu chạy tới đánh tua quân cảnh. Bị bất ngờ bọn chúng chạy tán loạn. Nhưng còn một tên núp trong đó bắn lại, đồng chí Năm Ca hi sinh. Xe sau chạy tới cổng trụ sở hội đồng xã, anh em nổ súng rối xông vào. Dân vệ chạy hết. Ta thu ba súng trường, một máy chữ và toàn bộ hồ sơ sổ sách. Trận tập kích diễn ra khoảng mười phút đúng dự kiến. Hai xe chở anh em về rừng hóc Ông Che sau đó lái ra trả cho chủ tiếp tục chở khách về Dĩ An.

Chị Mười Sen rút về huyện, bàn giao cơ sở và địa bàn Bửu Hòa cho chị Năm Lan. Theo chỉ đạo của huyện ủy, ta chủ trương phát động quần chúng vùng lên giành chính quyền làm chủ nhân thời cơ Diệm bị đảo chánh, các tướng tá ngụy lật nhau liên tục. Đội vũ trang tuyên truyền tổ chức hai cuộc họp dân, mỗi cuộc khoảng một trăm người dự. Cuộc họp đầu diễn ra tại nhà ông xã Kí ở Tân Bản dưới. Cuộc họp sau mở tại hầm đá nhà Châu mập – ủy viên tài chính xã – Ông Sáu Bót nói về chủ trương mười điểm của Mặt trận dân trộc giải phóng đối với các giới đồng bào và kêu gọi mọi người nhiệt tình ủng hộ chủ trương này. Bà Võ Thị tám cùng anh ba Nhỏ đến mời anh ba Tùng – anh họ bà, có con là trung tá cảnh sát Võ Tiết Hồ – ra dự mít tinh. Ông Ba Tùng vùa mở cửa, thấy anh ba Nhỏ đeo súng, vội sập cửa lại. Anh bị cánh cửa kẹp sưng tay, nổi nóng định bắn. Bà tám khuyên anh nên thôi. Bữa sau ông Ba Tùng định kêu cảnh sát bắt bà. Các con ông can: nhờ cô Tám mà đêm qua ba không chết…Do đó bà không hề hấn gì.

Đêm 18-12-1964 anh hai Sớt dẫn hai con bê đi ăn cỏ, đồng thời gánh cơm cho năm người: chị Năm Lan, anh Trắng, Năm và hai anh lạ mặt. Năm người đang ở rạch Bà Lồ. Ăn xong anh chị qua bìa rừng, chuẩn bị tìm các hầm đá bỏ không ở núi Châu Thới để ém. Bất ngờ một tốp biệt kích "cánh dơi" từ phía cầu xiệp mò vào. Phát hiện bóng anh Hai Sớt mờ mờ, chúng nổ súng. Đạn lạc trúng đùi anh Năm. Bị thương, anh Năm cùng chị Năm Lan tìm một

hầm đá kín đáo ẩn trốn. Lợi dụng đêm tối, ba anh kia rút về căn cứ Bình Trị, Tân Phước và báo cáo với lãnh đạo: Hai Sớt là kẻ hai mặt, dẫn lính bắn anh em.

Anh Hai Sớt về nhà, sáng ra năn nỉ ông Tư Tròn đi dẫn giùm hai con bê cột ở bụi tầm vông ven suối về nhà. Lùng sục mãi không thấy gì, trưa 19 bọn biệt kích rút. Quãng ba giờ chiều, đoán chừng hông còn lính, anh Hai Sớt đi tìm chị Năm Lan. Đứng trên gò, anh thấy chị xách giỏ ra bờ rạch, gặp hai tên lính tay không, dường như chúng bắt lươn hoặc bẻ măng. Thấy gái, tên lính xáp vô chọc ghẹo. Anh Hai Sớt gọi to, hai tên kia giạt ra. Anh về mang xấp bánh tráng và cục đường tán cho hai người ăn đỡ đói. Chừng năm giờ chiều, anh Ba Cóc dẫn trâu, chặt một bó chà tầm vông lớn, đút cây súng của anh Năm và máy ảnh vào giữa vác về. (Cây súng này để lại cho du kích Bửu Hòa làm vốn). Trời nhá nhem tối, anh ra cõng anh Năm lên nhà bà Hai Đứng. Hai tự vệ mật Ba Chi và Năm Sinh dùng võng khiên anh về huyện Lái Thiêu chữa trị. (Chị Năm Lan và anh Năm thanh minh chuyện Hai Sớt "hai mặt", mãi sau này anh mới biết).

Anh Hai Sớt và Rồi ít gặp nhau kể từ cuối năm 1962. Bị bọn xấu rủ rê. Rồi đi học một khóa bình định nông thôn ở Rạch Dừa Vũng Tàu. Năm 1966 một lần y tình cờ gặp chị Năm Lan ở gần chùa Tân Bản. Y dòm kĩ và nhớ lại đây là cán bộ huyện Lái Thiêu y từng biết mặt hồi lên căn cứ mấy năm trước. Y nói với một số người: có con cán bộ Việt Cộng về đây. Cơ sở ta nghe được, báo lại. Chị xin ý kiến huyện ủy, trên đồng ý cho lệnh diệt để đảm bảo hoạt động của ta.

Qua theo dõi điều tra, ta nắm được qui luật đi lại của Rồi. Sẩm tối 11-5-1966, qua báo cáo của cơ sở mật, anh Hai Sớt đi quan sát thấy rồi đang ngồi quán ông Một Tràng cùng trưởng ấp Năm Ca và tên Bé – cán bộ bình định. Anh về báo lại. Chị Năm Lan và anh Năm Tuyền đóng vai một cặp "bồ" đi qua quán. Anh Năm Tuyền đứng ở cổng chùa Tân Bản. Chị Năm Lan kêu anh Rồi, ra tôi hỏi, Rồi mặc bộ quần áo bình định, nghe tiếng phụ nữ gọi, băng qua đường. Anh Năm tuyền rút súng bắn luôn. Y gục xuống. Lợi dụng lúc bà con nhốn nháo đổ xô ra coi, hai người băng qua Hóa An về căn cứ của huyện.

Ông Bảy Thiền là cán bộ quân báo khu Sài Gòn – Gia Định đã móc nối xây dựng ông Tám Phương (Lê Văn Thương) ở mé bờ sông ấp Tân Mĩ thành cơ sở nuôi chứa. Nhà ông Tám

Phương là nơi hội họp của cánh quân báo đó từ năm 1966 tới năm 1975. Cán bộ lui tới an toàn, địch không phát hiện được.

Cuối năm 1966 do bị lộ ở Tân Đông Hiệp (Dĩ An), anh Tư Cải (Trần Văn The)giạt về ở chòi anh Tư Chanh tại ấp Tân Mĩ. Đồng chí Năm Của – huyện ủy viên – gửi thư qua chị Năm Lan, bố trí giao nhiệm vụ hoạt động cho anh tại đây. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của chị Năm, tại Bửu Hòa tập trung số nòng cốt trong đó bà Hai Đứng, anh Tư Cải là đảng viên. Huyện ủy Lái Thiêu chỉ định việc thành lập chi bộ mật Bửu Hòa do chị Năm Lan phụ trách. Các đoàn viên là Hai Sớt, Ba Cóc, Tám Thành sau này thêm chị Lùng (vợ anh Hai Hưng). Số du kích mật gồm Ba Chi, Ba Thời, Năm Sinh, anh Sáu, LÂm, cô Chưng (Ánh).

Tại nhà bà Hai Đứng, chị Năm Lan và anh Mười Phương in truyền đơn chống Mĩ ngụy bằng bột năm. In xong, truyền đơn cất vào hộp bích qui hoặc hộp sữa, sau đó mang rải ở Bửu Hòa, Tân Vạn.

Tháng 8-1967 lúa vừa cấy xong, đang thì con gái xanh non. Chị Năm Lan, các anh Ba Nhỏ, Tuấn, cô Chưng bàn việc đánh xe lửa tại nhà bà Hai Đứng. Nhiều đoàn xe lủa chở vũ khí qua đây ra miền trung, cần phải ngăn cản hậu cần của địch.

Lần đầu, một nông dân vô tình phát hiện dây mìn kéo vào ruộng khoai, ta phải ngưng vì lộ. Lần sau, anh Ba Nhỏ chônh trái mìn ở cua dốc cầu Hang, ngụy trang kĩ sợi dây sợi dây điện dài 150 mét từ đường rầy vào khu gò mả. Quãng tám giờ sáng 17-8, một đoàn xe lửa chở xe tăng, thiết giáp từ Sài Gòn chạy về qua đó thì chị Năm Lan chấm điện cho mìn nổ. Mấy toa phía sau lật nghiêng. Lính hộ tống bắn bừa bãi chủ yếu để tự trấn an tinh thần. Máy bay lên thẳng vũ trang quần đảo trong khi anh chị em rút lui an toàn. Chị Năm Lan giả làm người bắt cua đi xe đạp tới nhà ông Chín Mít, bỏ xe lội qua rạch Thủ Huồng , vào nhà ông Hai Ú thay quần áo khác rồi có xe Honda chờ sẵn chở đi.

Nhà bà Võ Thị Tám ở ven đường, nhà cửa sơ sài không tiện đào hầm bí mật. Các anh Mười Phương, Ba Nhỏ thỉnh thoảng về ở đây, nếu có nghĩa quân hay cảnh sát lùng xét, lại leo lên cộ lúa ẩn náu. Thấy nhà bà trống trải, đứng ngoài đường có thể nhìn thông thống vào nhà, chúng không thể ngờ cán bộ ta dám ở đây.